



BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG TUẦN

04/11/2024 – 08/11/2024

Khối Nghiên cứu



MBS Head Office
MB Building, 21 Cat Linh, Dong Da, Hanoi, Vietnam
Tel: +84 24 7304 5688 Fax: +84 24 3726 2601
Web: www.mbs.com.vn

BIẾN ĐỘNG GIA TĂNG, HỖ TRỢ Ở VÙNG 1.240 ĐIỂM

- Chứng khoán toàn cầu giảm sang tuần thứ 2 liên tiếp trước thềm bầu cử Mỹ sẽ diễn ra vào tuần sau (5/11), nhà đầu tư vẫn chọn các kênh tài sản an toàn như Vàng và USD để trú ẩn. Một số thị trường vẫn ngược dòng chứng khoán thế giới trong tuần vừa qua như: Nhật Bản, Ấn Độ, Việt Nam, .v.v... Đáng chú ý trong các thị trường giảm điểm là thị trường Hàn Quốc với chỉ số Kospi đã跌 mất thành quả kể từ đầu năm và hiện đang thấp hơn 4,25% so với vạch xuất phát trong năm nay.
- Tuần tới, mức độ biến động của thị trường tài chính Mỹ và thế giới có thể tăng lên do hai sự kiện lớn là cuộc bầu cử tổng thống vào ngày 5/11 và cuộc họp chính sách của Fed vào ngày 6-7/11. Trên thị trường lãi suất tương lai, các nhà giao dịch đang đặt cược khả năng 99% Fed sẽ hạ lãi suất 0,25 điểm phần trăm trong cuộc họp tuần tới.
- Thị trường trong nước ngược dòng chứng khoán thế giới trong tuần vừa qua, chốt tuần ở mức 1.254,89 điểm, tăng +2,17 điểm, tương đương mức phục hồi +0,17% so với tuần trước. Mức tăng chủ yếu tập trung ở nhóm cổ phiếu nhỏ (Smallcap), trong khi nhóm Midcap và Vn30 đi ngang. Một số nhóm cổ phiếu tăng nổi bật trong tuần vừa qua gồm: Viettel, Logistics, Dệt may, Hóa chất, Ngân hàng. Khối ngoại có tuần bán ròng mạnh -7.800 tỷ đồng, tập trung ở cổ phiếu VIB (-5.400 tỷ đồng).
- Thanh khoản bình quân toàn thị trường tuần vừa qua còn 16.380 tỷ đồng, giảm -2,4% so với tuần trước đó, ghi nhận mức thấp nhất 7 tuần vừa qua. Nếu loại giao dịch thỏa thuận, thanh khoản khớp lệnh của thị trường giảm -18,4% so với tuần trước, còn 12.381 tỷ đồng. Theo thống kê, thanh khoản tháng 10 đạt 17.764 tỷ đồng, tương đương so với tháng 9 và tăng +5% svck. Lũy kế từ đầu năm đạt 21.970 tỷ đồng, tăng +25,4% so với năm 2023.
- Chỉ số Vn-Index đánh mất xu hướng tăng kể từ đầu tháng 8 ở khu vực 1.280 điểm và thoái lui về ngưỡng Fibonacci 38,2% ở khu vực 1.257 điểm. Mặc dù跌 mất các ngưỡng MA50, MA100 nhưng thị trường cũng chứng tỏ đà giảm, tạo vùng dừng chân ngay sát ngưỡng MA200. Với sự thận trọng của dòng tiền và biến động từ chứng khoán thế giới có thể gia tăng trong tuần tới, khả năng thị trường sẽ kiểm định lại vùng đáy tháng 9 cũng như ngưỡng hỗ trợ Fibonacci 50% ở khu vực 1.240 điểm, nhà đầu tư có thể giải ngân thăm dò ở khu vực này.
- Chúng tôi khuyến nghị cơ hội đầu tư đối với các cổ phiếu đang tạo nền tích lũy với thanh khoản thấp, hoặc nhóm cổ phiếu đã giảm qua ngưỡng 1.240 điểm như: Viettel, Thủy sản, Ngân hàng, Bất động sản, XD&VLXD, v.v...

Các sự kiện chính trong tuần này (04/11 – 08/11)

Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu
04  Đức: Chỉ số PMI sản xuất (tháng 10)  Châu Âu: Chỉ số PMI sản xuất (tháng 10)	05  Mỹ: Bầu cử Tổng thống  Mỹ: Chỉ số PMI dịch vụ (tháng 10)  Úc: Quyết định lãi suất của RBA  Trung Quốc: Chỉ số PMI dịch vụ (tháng 10)  Anh: Chỉ số PMI dịch vụ (tháng 10)	06  Châu Âu: Chỉ số PMI dịch vụ (tháng 10)  Đức: Chỉ số PMI dịch vụ (tháng 10)  Nhật Bản: Chỉ số PMI dịch vụ (tháng 10)	07  Anh: Quyết định lãi suất của BOE  Mỹ: Dữ liệu yêu cầu thất nghiệp lần đầu	08  Mỹ: Quyết định lãi suất của FED  Canada: Tỷ lệ thất nghiệp (tháng 10)

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



Diễn biến các chỉ số chứng khoán tuần qua

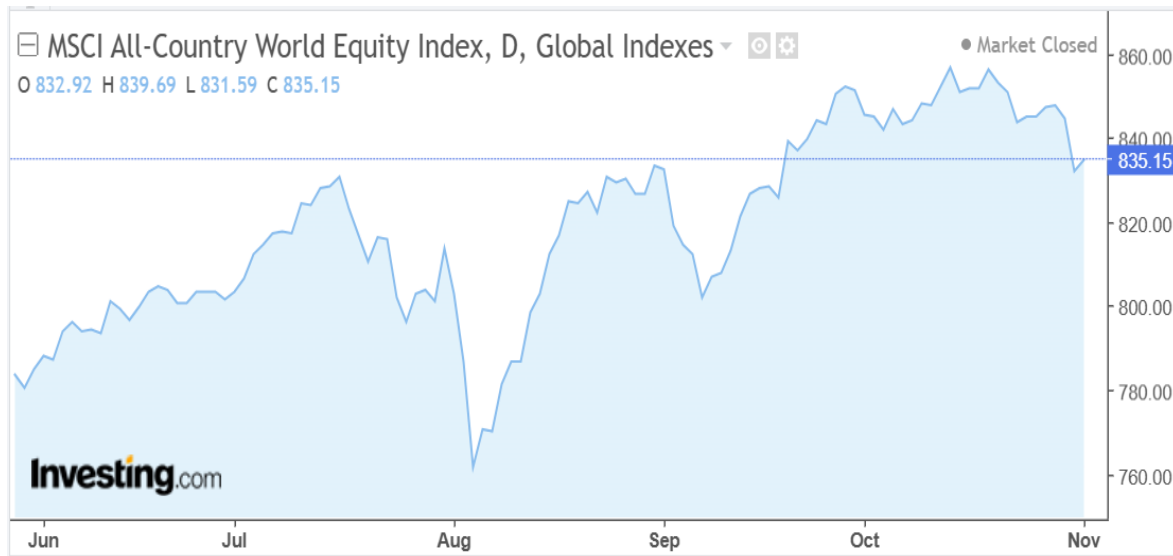
Index	Last	1 Week	1 Month	YTD	1 Year
Global	835.15	-1.22%	-0.85%	14.88%	26.01%
Dow Jones	42,052.19	-0.15%	0.10%	11.58%	23.46%
S&P 500	5,728.80	-1.37%	0.51%	20.10%	31.44%
Europe	510.90	-1.52%	-1.04%	6.66%	15.01%
Japanese	38,009.50	0.25%	-1.41%	13.58%	18.97%
Korea	2,542.36	-1.58%	-0.75%	-4.25%	7.35%
China	3,272.01	-0.84%	-1.93%	9.99%	7.96%
HongKong	20,506.43	-0.41%	-7.27%	20.29%	16.09%
Taiwan	22,780.08	-2.43%	1.74%	27.04%	38.00%
Indian	24,304.35	0.51%	-3.75%	11.84%	26.38%
Singapore	3,555.43	-1.06%	-0.61%	9.73%	13.10%
Malaysia	1,603.98	-0.88%	-2.29%	10.26%	10.62%
Indonesia	7,505.26	-2.46%	-0.51%	3.20%	10.55%
Thailand	1,464.17	0.05%	1.49%	3.41%	3.13%
Philippine	7,142.96	-2.34%	-3.33%	10.74%	19.26%
Vietnam	1,254.89	0.17%	-1.82%	11.06%	16.54%
Brent Oil	73.10	-3.88%	-5.20%	-4.95%	-13.39%
Crude Oil WTI	69.49	-3.19%	-5.03%	-3.27%	-13.39%
Gold	2,749.20	0.26%	2.61%	32.08%	36.80%
S&P 500 VIX	21.88	7.62%	6.78%	75.74%	46.75%
Dollar Index	104.20	0.07%	2.41%	3.14%	-0.63%
U.S. 10Y	4.39	3.64%	14.05%	13.45%	-4.16%
U.S. 2Y	4.21	2.78%	13.68%	-0.89%	-13.06%

- Chứng khoán Mỹ giảm điểm khá mạnh trong tuần này, với S&P 500 giảm 1,37%, Nasdaq giảm 1,5% và Dow Jones giảm 0,15%. Nguyên nhân chính dẫn tới sự giảm điểm này là kết quả kinh doanh gây thất vọng của một số Big Tech gồm Microsoft và Meta Platforms. Đây cũng là tuần giảm thứ 2 liên tiếp đối với Dow Jones và S&P 500.
- Tháng 10 cũng là một khoảng thời gian khó khăn đối với thị trường Mỹ, khi Dow Jones ghi nhận mức giảm 1,3%, S&P 500 giảm 1% và Nasdaq trượt 0,5%. Tuần tới, mức độ biến động của thị trường tài chính Mỹ và thế giới có thể tăng lên do hai sự kiện lớn là cuộc bầu cử tổng thống vào ngày 5/11 và cuộc họp chính sách của Fed vào ngày 6-7/11.
- Giá vàng thế giới tăng 4 tuần liên tiếp, đạt mức cao kỷ lục 2.790 USD/oz vào ngày thứ 5 (31/10), kể từ đầu năm giá vàng đã tăng 32,08%.
- Chỉ số Dollar Index đo sức mạnh đồng USD so với một rổ gồm 6 đồng tiền chủ chốt khác chốt phiên ngày thứ Sáu ở mức 104,20 điểm. Tuần vừa qua, chỉ số tăng 0,07%, nâng tổng mức tăng trong 1 tháng trở lại đây lên 2,41%.
- Trên thị trường năng lượng sau khi giảm mạnh trong hai phiên đầu tuần, giá dầu đã tăng trong ba phiên liên tiếp của tuần Dù vậy, giá mỗi loại dầu vẫn giảm hơn 3% trong tuần này sau khi tăng 4% trong tuần trước

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



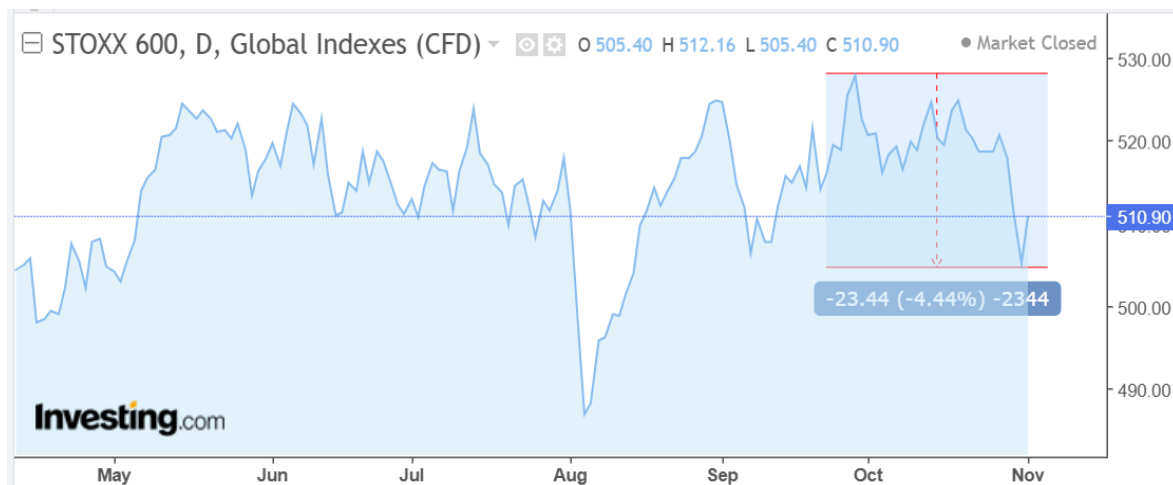
Chỉ số chứng khoán toàn cầu giảm 2 tuần liên tiếp



S&P 500 cũng có tuần giảm mạnh nhất trong vòng 2 tháng qua



Chứng khoán Châu Âu điều chỉnh giảm hơn 4% về đáy tháng 9



Chứng khoán Hàn Quốc dễ mất thành quả kể từ đầu năm

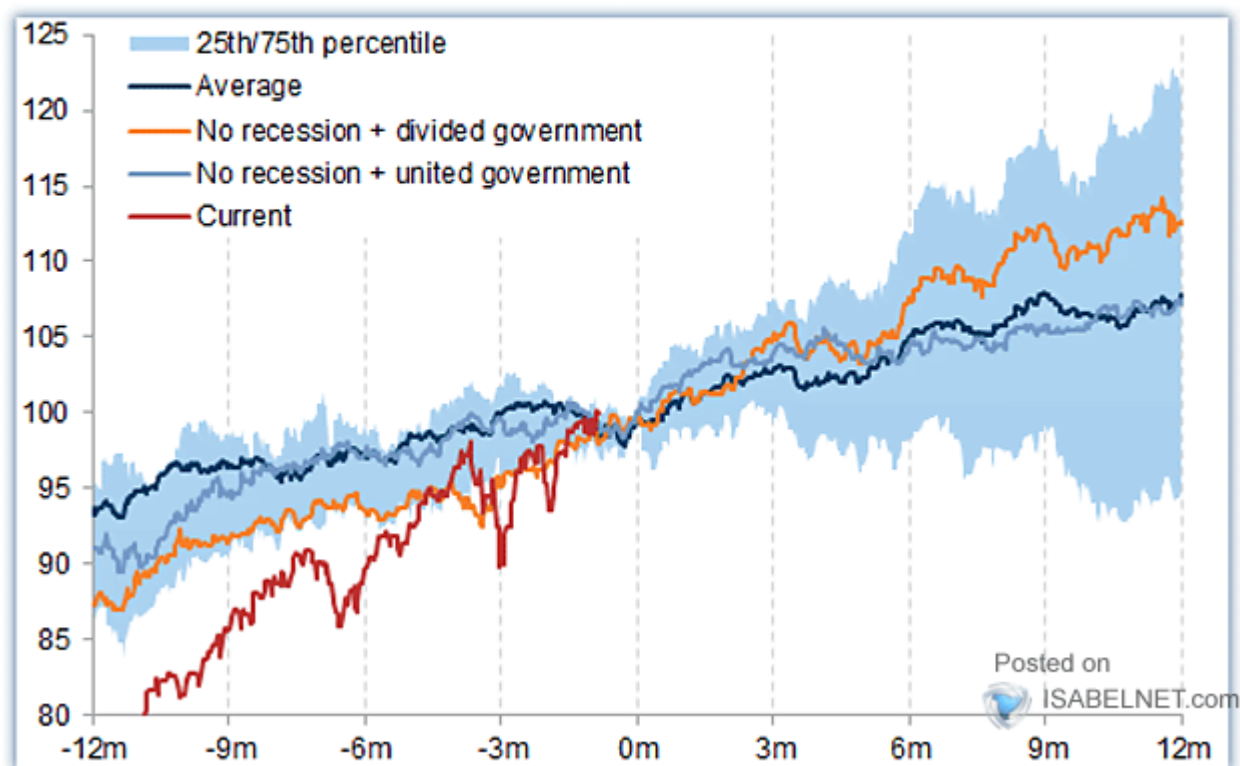


S&P 500 có xu hướng tăng theo lịch sử sau cuộc bầu cử Hoa Kỳ, đặc biệt là khi không có suy thoái

- Trong một cuộc khảo sát của Wall Street Journal, giới kinh tế học bày tỏ lạc quan về các phương diện chính của nền kinh tế Mỹ, gồm tăng trưởng, lạm phát, việc làm và lãi suất.
- Các số liệu thống kê gần đây cho thấy nền kinh tế Mỹ trụ vững dưới áp lực của lãi suất cao, với nhịp tăng trưởng được duy trì, thị trường việc làm suy yếu không nhiều và tốc độ lạm phát tiếp tục xu hướng giảm. Giới chuyên gia và nhà đầu tư vì thế lạc quan về khả năng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) sẽ đưa được nền kinh tế hạ cánh mềm. Tuy nhiên, theo một số khảo sát, người tiêu dùng Mỹ đang có tâm lý bi quan vì chi phí sinh hoạt tăng cao do ảnh hưởng tích tụ của lạm phát mấy năm qua..
- Về lãi suất, các nhà kinh tế học trong cuộc khảo sát giảm mạnh dự báo, cho rằng lãi suất quỹ liên bang của Fed sẽ giảm về mức 4,4% vào cuối năm nay, từ mức 4,75-5% hiện tại, đồng nghĩa Fed sẽ có thêm 2 lần giảm lãi suất nữa với lượng giảm mỗi lần là 0,25 điểm phần trăm trong thời gian từ nay tới cuối năm.

Exhibit 23 : S&P 500 usually kept rising after a US election if there was no recession, especially with a divided government

S&P 500 performance around US elections, indexed to 100 (since 1950)



Source: Bloomberg, Goldman Sachs Global Investment Research

Exhi

Fed chuẩn bị cho đợt hạ lãi suất tiếp theo khi kinh tế Mỹ tăng trưởng khả quan

Trên thị trường lãi suất tương lai, các nhà giao dịch đang đặt cược khả năng gần 99% Fed sẽ hạ lãi suất 0,25 điểm phần trăm trong cuộc họp tuần tới.

Fed call as of 10/9/2024

	Next move	Cuts in 2024	Cuts in 2025	Publish date
Bank of America	Nov cut (25)	50 BPS	125 BPS	10/4/2024
Barclays	Nov cut (25)	50 BPS	75 BPS	9/18/2024
BMO Capital Markets	Nov cut (25)	50 BPS	125 BPS	10/4/2024
BNPP	Nov cut (25)	50 BPS	125 BPS	9/18/2024
Citigroup	Nov cut (25)	75 BPS	100 BPS	10/4/2024
Deutsche Bank	Nov cut (25)	50 BPS	100 BPS	9/19/2024
Goldman Sachs	Nov cut (25)	50 BPS	100 BPS	9/19/2024
Jefferies	Nov cut (25)	50 BPS	100 BPS	9/18/2024
JP Morgan	Nov cut (25)	50 BPS	100 BPS	10/4/2024
LH Meyer	Nov cut (25)	50 BPS	100 BPS	9/18/2024
Morgan Stanley	Nov cut (25)	50 BPS	100 BPS	9/19/2024
MUFG	Nov cut (25)	50 BPS	150 BPS	10/7/2024
Nomura	Nov cut (25)	50 BPS	100 BPS	9/19/2024
Oxford Economics	Nov cut (25)	50 BPS	100 BPS	9/18/2024
RBC	Nov cut (25)	50 BPS	25 BPS	9/18/2024
S&P Global Ratings	Nov cut (25)	50 BPS	125 BPS	9/24/2024
TD Securities	Nov cut (25)	50 BPS	150 BPS	9/18/2024
UBS	Nov cut (25)	50 BPS	150 BPS	9/19/2024
Wells Fargo	Nov cut (25)	50 BPS	150 BPS	10/5/2024

Source: The Wall Street Journal

	CME FEDWATCH TOOL - CONDITIONAL MEETING PROBABILITIES									
MEETING DATE	250-275	275-300	300-325	325-350	350-375	375-400	400-425	425-450	450-475	475-500
11/7/2024					0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	98.9%	1.1%
12/18/2024	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	82.7%	17.1%	0.2%
1/29/2025	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	44.2%	47.6%	8.1%	0.1%
3/19/2025	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	27.4%	46.3%	23.1%	3.1%	0.0%
5/7/2025	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	11.9%	35.6%	36.3%	14.5%	1.8%	0.0%
6/18/2025	0.0%	0.0%	0.0%	6.2%	24.2%	36.0%	25.0%	7.9%	0.9%	0.0%
7/30/2025	0.0%	0.0%	1.7%	11.0%	27.3%	33.0%	20.4%	6.0%	0.6%	0.0%
9/17/2025	0.0%	0.4%	4.0%	15.1%	28.8%	29.9%	16.8%	4.7%	0.5%	0.0%
10/29/2025	0.1%	1.0%	5.9%	17.4%	28.9%	27.6%	14.7%	3.9%	0.4%	0.0%
12/10/2025	0.2%	1.7%	7.6%	19.1%	28.7%	25.7%	13.1%	3.4%	0.3%	0.0%

Kinh tế Mỹ giữ nhịp tăng trưởng dù yếu hơn dự báo

Nền kinh tế Mỹ tiếp tục cho thấy sức tăng trưởng vững trong quý 3 vừa qua, dù tốc độ tăng không đạt kỳ vọng. Tiêu dùng mạnh tiếp tục là động lực chính đưa nền kinh tế lớn nhất thế giới vượt qua ảnh hưởng tiêu cực của lãi suất cao.

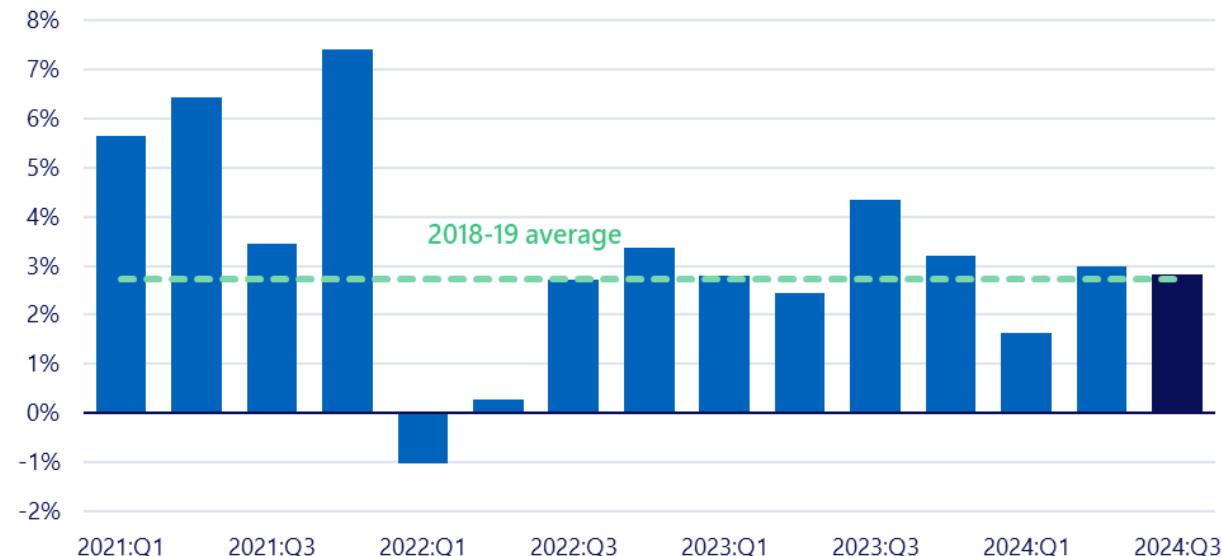
Theo báo cáo từ Bộ Thương mại Mỹ ngày 30/10, tổng sản phẩm trong nước (GDP) của nước này đạt mức tăng trưởng 2,8% trên cơ sở năm trong quý 3, sau khi điều chỉnh theo các yếu tố lạm phát và mùa vụ.

Sự vững vàng của tiêu dùng - lĩnh vực chiếm khoảng 2/3 mọi hoạt động trong nền kinh tế Mỹ - giữ vai trò chính trong sự tăng trưởng này. Bên cạnh đó là động lực đến từ việc Chính phủ Mỹ chi tiêu không mạnh tay không ngừng nghỉ - nguyên nhân đẩy thâm hụt ngân sách liên bang lên hơn 1,8 nghìn tỷ USD trong tài khóa 2024.

Tiêu dùng cá nhân - một thước đo hoạt động của người tiêu dùng - tăng 3,7% trong quý, đánh dấu quý tăng mạnh nhất kể từ quý 1/2023. Chi tiêu của chính phủ liên bang tăng 9,7%, trong đó chi tiêu quốc phòng tăng 14,9%.

Real GDP rose at a 2.8 percent annualized rate in 2024:Q3.

Quarter-to-quarter percent growth, annualized



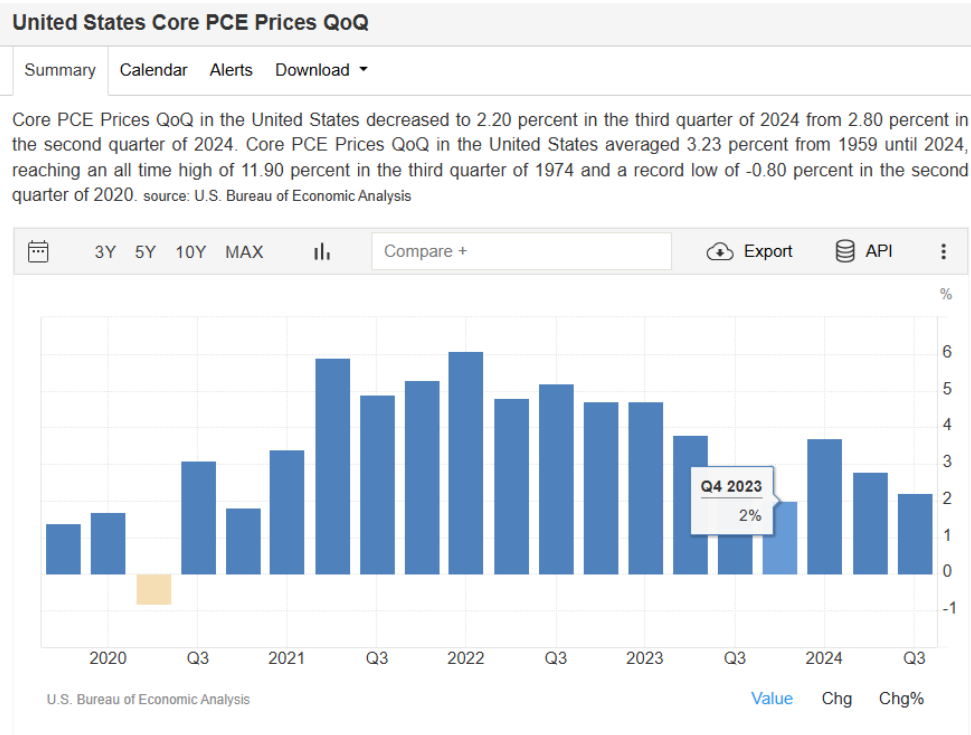
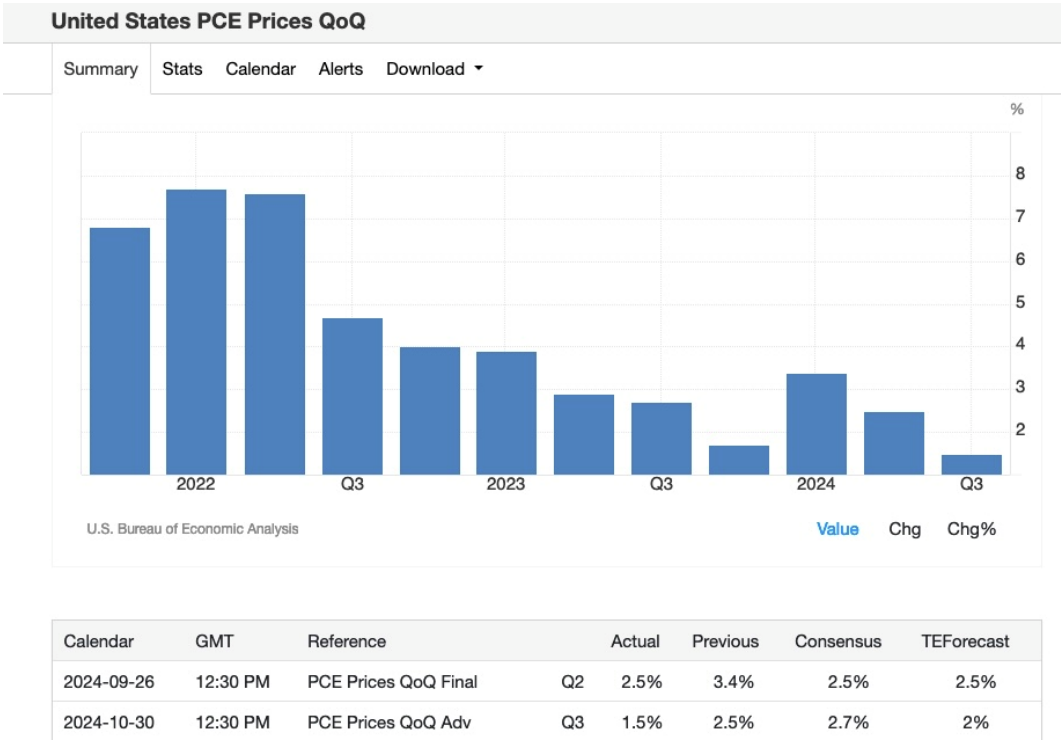
Council of Economic Advisers

Source: Bureau of Economic Analysis.

As of October 30, 2024 at 8:30am

Lạm phát đã hạ nhiệt với tốc độ nhanh nhất trong một năm

Chỉ số giá tiêu dùng cá nhân (PCE), thước đo lạm phát được Fed ưa chuộng, tăng 1,5% trong quý 3 so với cùng kỳ năm ngoái, thấp hơn mức mục tiêu 2% của Fed và giảm tốc nhiều so với mức tăng 2,5% ghi nhận trong quý 2. Tuy nhiên, PCE lõi - chỉ số không bao gồm giá năng lượng và thực phẩm - vẫn tăng 2,2% trong quý 3, vượt nhẹ so với kỳ vọng của thị trường là 2,1% nhưng là mức thấp nhất kể từ mức 2% trong quý 4 năm ngoái.

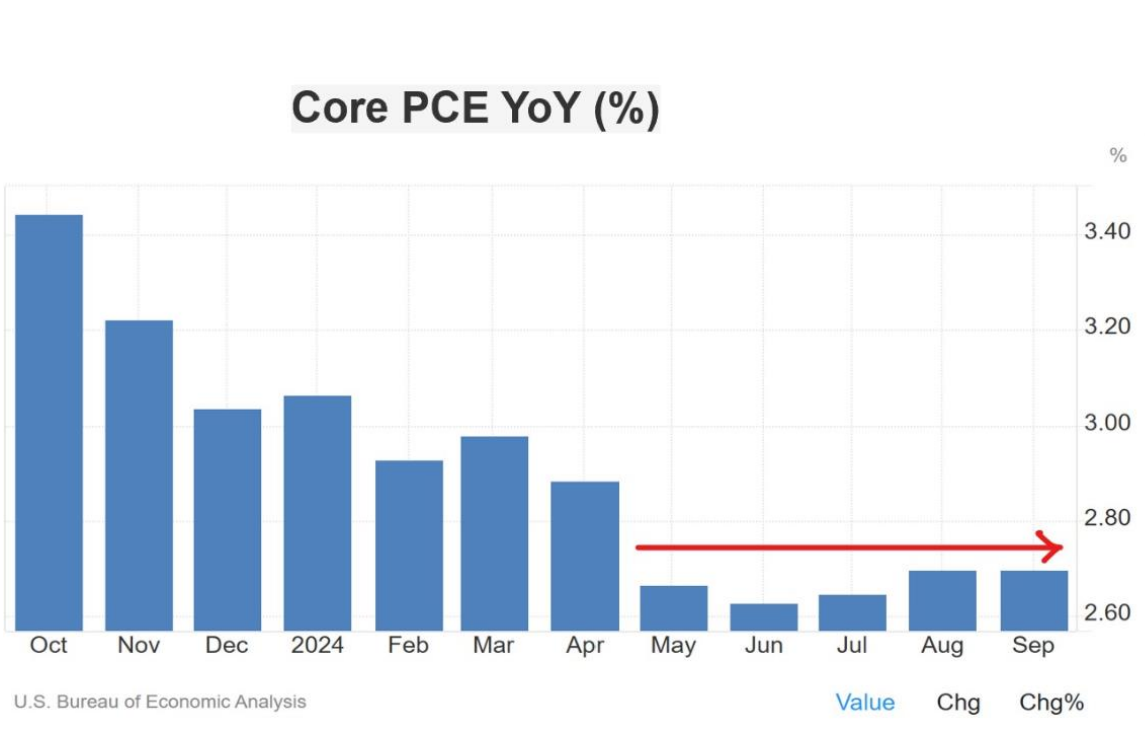


THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



Tuy nhiên, PCE tháng 9 ấm hơn một chút như dự kiến

Báo cáo chỉ số giá tiêu dùng cá nhân (PCE) từ Bộ Lao động Mỹ cho thấy mức tăng 2,1% trong tháng 9 so với cùng kỳ năm ngoái, giảm 0,2 điểm phần trăm so với tháng 8 và tiến rất gần mục tiêu 2%. Nếu so với tháng trước, PCE tăng 0.2%. Tuy vậy, khi loại trừ năng lượng và thực phẩm, PCE lõi tăng 2,7% - bằng với tháng Tám và vượt mức kỳ vọng 2,6% của thị trường.



	2024				
	Apr.	May	June	July	Aug.
	Percent change from preceding month				
Personal income:					
Current dollars	0.4	0.5	0.3	0.3	0.2
Disposable personal income:					
Current dollars	0.3	0.4	0.2	0.2	0.2
Chained (2017) dollars	0.1	0.4	0.1	0.1	0.1
Personal consumption expenditures (PCE):					
Current dollars	0.3	0.5	0.3	0.5	0.2
Chained (2017) dollars	0.0	0.5	0.1	0.4	0.1
Price indexes:					
PCE	0.3	0.0	0.1	0.2	0.1
PCE, excluding food and energy	0.3	0.1	0.2	0.2	0.1
Price indexes:	Percent change from month one year ago				
PCE	2.7	2.6	2.4	2.5	2.2
PCE, excluding food and energy	2.9	2.7	2.6	2.6	2.7

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

Biến động thị trường tăng trở lại

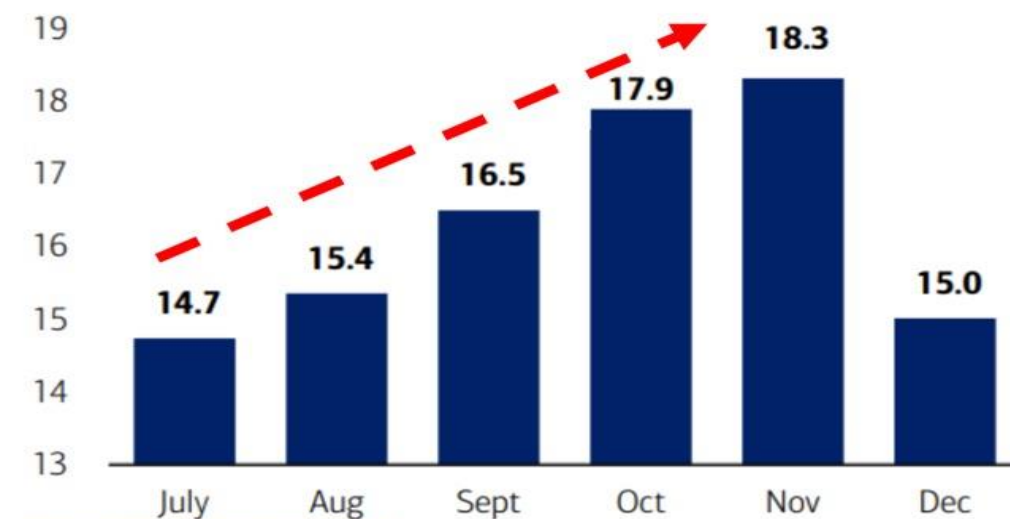
Các quỹ đặt cược vào biến động thị trường đang tăng lên. Các nhà đầu cơ thị trường đang mua rông hợp đồng tương lai chỉ số biến động VIX lần đầu tiên sau 5 năm. Các khoản cược biến động đang tăng lên khi cuộc bầu cử tổng thống Hoa Kỳ đang đến gần trong khi biến động của thị trường trái phiếu tăng vọt. Chỉ số biến động \$VIX tăng trung bình khoảng 25% từ tháng 7 đến tháng 11 trong những năm bầu cử. Nguyên nhân chính là do các nhà đầu tư phòng ngừa rủi ro bằng các quyền chọn do sự không chắc chắn xung quanh cuộc bầu cử. Tuần vừa qua, chỉ số VIX đã tăng 7,62% lên mức cao nhất trong vòng 2 tháng qua.

CBOE Volatility Index ↓ 21.88 -1.28 (-5.53%)



Exhibit 3: 25% increase in volatility from July-Nov of election years

Average monthly volatility (VIX 1990-present, monthly average of daily S&P 500 return volatility 1928-1989) for US election years since 1928



POSTED BY @KOBESSILETTER

Source: Bloomberg, FactSet, BofA US Equity & Quantitative Strategy

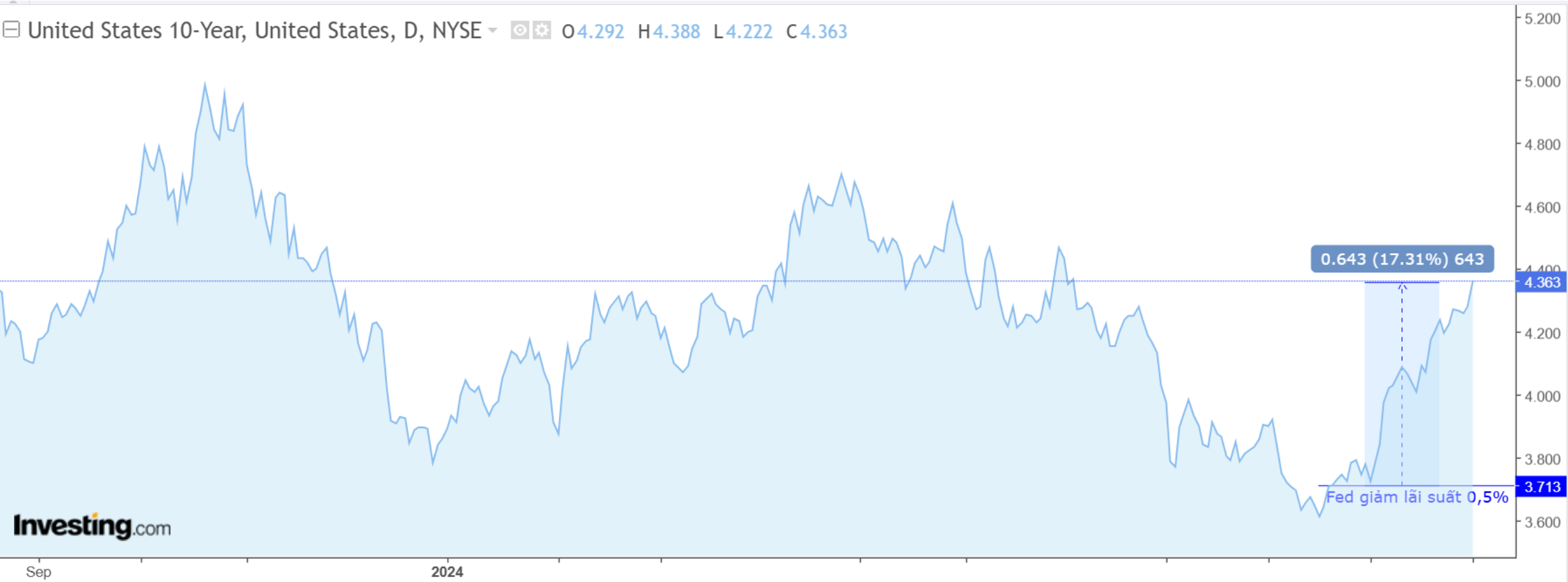
BofA GLOBAL RESEARCH

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



Lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ kỳ hạn 10 năm hiện đã tăng hơn 70 điểm cơ bản kể từ khi Fed cắt giảm lãi suất 50 điểm cơ bản vào ngày 18 tháng 9

Lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ kỳ hạn 10 năm vượt mốc 4,3% lần đầu tiên trong khoảng 4 tháng trở lại đây. Sau khi Fed giảm lãi suất nửa điểm phần trăm cách đây hơn 1 tháng, lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ thực ra không giảm mà liên tục tăng. Lợi suất tăng do giá trái phiếu giảm vì nhà đầu tư bán mạnh trái phiếu kho bạc Mỹ trước thềm cuộc bầu cử tổng thống Mỹ vào ngày thứ Ba tuần tới. Nguyên nhân dẫn tới việc nhà đầu tư bán ra nợ Mỹ là mối lo ngại về thâm hụt ngân sách liên bang gia tăng dù ông Donald Trump hay bà Kamala Harris trúng cử.



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



Vàng thế giới tăng 4 tuần liên tiếp, nâng mức tăng kể từ đầu năm lên 32,08%

Giá vàng thế giới giảm trong phiên giao dịch ngày thứ Sáu (1/11) dưới sức ép từ lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ và tỷ giá đồng USD cùng tăng. Tuy nhiên, nhu cầu phòng ngừa rủi ro trước thềm cuộc bầu cử tổng thống Mỹ vào tuần tới giúp hạn chế mức giảm của giá vàng. Một báo cáo của ngân hàng Standard Chartered nhận định rằng mối quan tâm lớn mà giới đầu tư dành cho vàng trong thời gian gần đây xuất phát từ các yếu tố gồm cuộc bầu cử sắp tới ở Mỹ, việc Fed hạ lãi suất, và những mối bất định về kinh tế và địa chính trị.



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



Chỉ số Dollar Index cao nhất từ đầu tháng 8

Chỉ số Dollar Index đo sức mạnh đồng USD so với một rổ gồm 6 đồng tiền chủ chốt khác tăng 0,07%, chốt phiên ngày thứ Sáu ở mức 104,2 điểm. Tuần vừa qua, chỉ số tăng 0,07%, nâng tổng mức tăng trong 1 tháng trở lại đây lên 2,41%. Kể từ khi Fed giảm lãi suất 0,5% vào ngày 18/9, chỉ số Dollar index đã tăng gần 4%. Ngoài bất an về căng thẳng địa chính trị ở Trung Đông, mức độ bất định cao liên quan tới cuộc bầu cử tổng thống Mỹ ngày 5/11 là một lý do nữa để nhà đầu tư mua mạnh đồng USD để phòng ngừa rủi ro.



Giá dầu tăng trở lại nhưng vẫn ghi nhận 1 tuần giảm mạnh

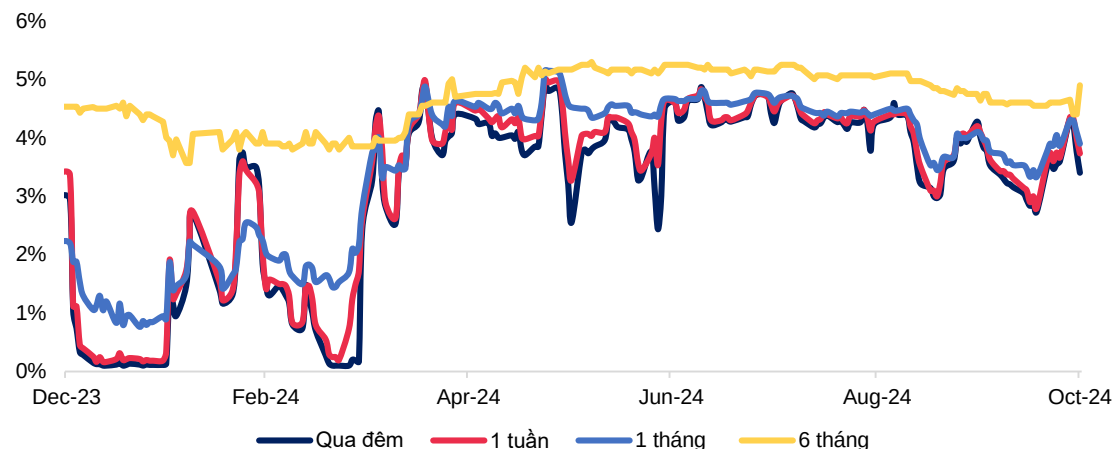
Sau khi giảm mạnh trong hai phiên đầu tuần, giá dầu đã tăng trong ba phiên liên tiếp của tuần. Dù vậy, giá mỗi loại dầu vẫn giảm hơn 3% trong tuần này sau khi tăng 4% trong tuần trước. Ngày 1/11, Bộ Dầu mỏ Iraq cho biết nước này đã giảm sản lượng dầu và cắt giảm xuất khẩu dầu thô xuống còn 3,3 triệu thùng/ngày, phù hợp với cam kết của Baghdad trong thỏa thuận cắt giảm sản lượng dầu của Tổ chức Các nước xuất khẩu dầu mỏ và các nước đối tác (OPEC+).



Lãi suất

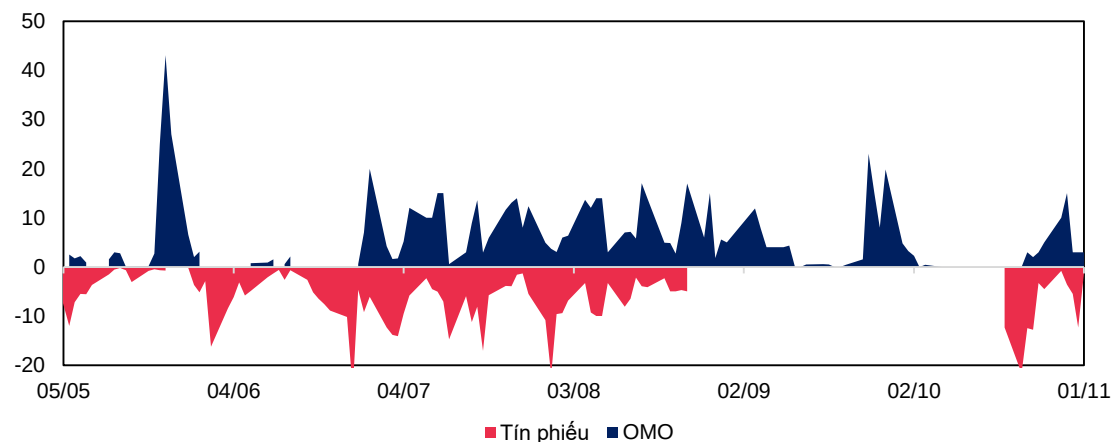
- Tuần vừa qua, NHNN tiếp tục sử dụng linh hoạt hai kênh OMO và phát hành tín phiếu nhằm điều tiết thanh khoản hệ thống. Trong đó, tổng trị giá tín phiếu phát hành đạt gần 23.6 nghìn tỷ đồng, kỳ hạn 14-28 ngày và lãi suất 3.7% - 4%. Song song với đó, NHNN cũng tăng quy mô bơm vốn qua kênh OMO lên gấp rưỡi so với tuần trước nhằm giúp giảm áp lực thanh khoản, trong bối cảnh tỷ giá đã có dấu hiệu nguội bót sau khi NHNN phát đi thông báo bán can thiệp ngoại tệ vào cuối tuần trước đó. Lượng vốn được bơm qua kênh OMO từ ngày 28/10 – 1/11 đạt gần 34 nghìn tỷ đồng, kỳ hạn 7 ngày và lãi suất 4%. Chúng tôi ước tính khoảng 13.4 nghìn tỷ đồng tín phiếu sẽ đáo hạn trong tuần tới.
- Động thái bơm ròng của NHNN đã giúp lãi suất liên ngân hàng giảm nhẹ trong tuần vừa rồi. Cụ thể, lãi suất qua đêm đã giảm 70 điểm cơ bản so với đầu tuần xuống mức 3.4%, trong khi các kỳ hạn dưới 1 tháng hiện dao động trong khoảng 3.8% - 3.9%. Lãi suất kỳ hạn dài 6 tháng hiện đang ở mức 4.9%.

Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Thị trường mở

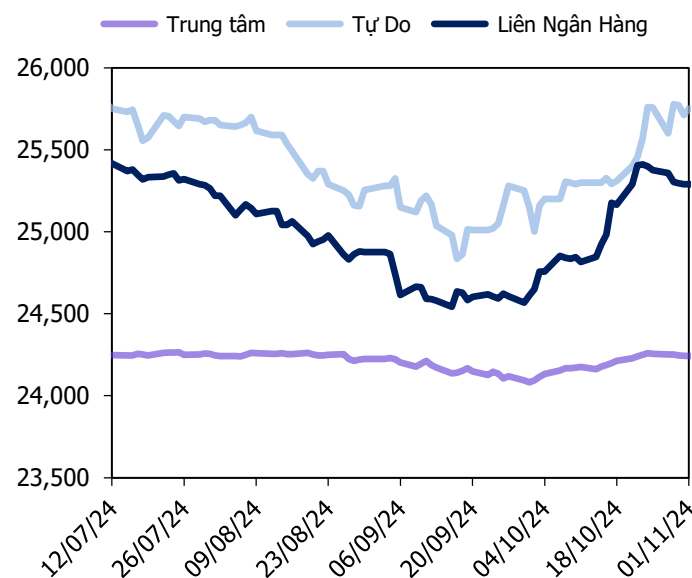


Nguồn: NHNN, MBS Research

Thị trường ngoại hối và trái phiếu

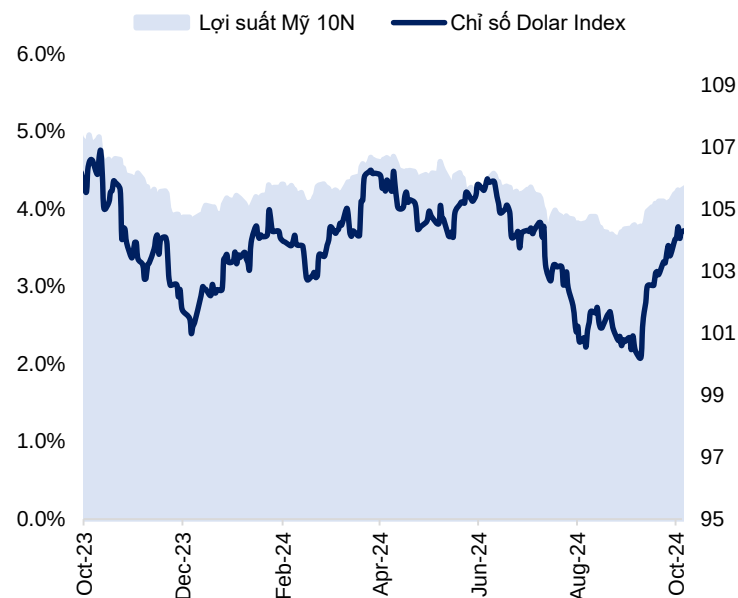
Chỉ số DXY khá ổn định trong tuần vừa qua, hiện dao động quanh mức 104 điểm. Đồng bạc xanh tiếp tục được hỗ trợ bởi những dữ liệu kinh tế tích cực: chỉ số PCE tháng 9 tăng 2.1% svck - mức thấp nhất kể từ tháng 2/2021, chi tiêu tiêu dùng đã có dấu hiệu phục hồi khi tăng 3.7% trong Q3 – mức tăng lớn nhất kể từ Q1/23, và chỉ số chi phí lao động (thước đo tăng trưởng tiền lương) chỉ tăng 0.8% trong Q3 – mức tăng thấp nhất kể từ Q2/21. Điều này đã củng cố niềm tin rằng lạm phát đã được kiểm soát thành công. Dựa vào đó, thị trường đang kỳ vọng 95% khả năng Fed sẽ giảm lãi suất thêm 25 bps trong cuộc họp tới và đưa phạm vi lãi suất về mức 4.5% - 4.75%. Ngoài ra, việc NHNN nổi lại hoạt động bán ngoại tệ can thiệp cũng đã giúp giải tỏa một phần áp lực lên tỷ giá. Tỷ giá liên ngân hàng hiện đang ở mức 25,289 VND/USD, đánh dấu mức tăng 3.8% so với đầu năm. Tỷ giá tại thị trường tự do đang giao dịch tại mức 25,750 VND/USD, trong khi tỷ giá trung tâm niêm yết tại 24,242 VND/USD.

Tỷ giá USD/VND



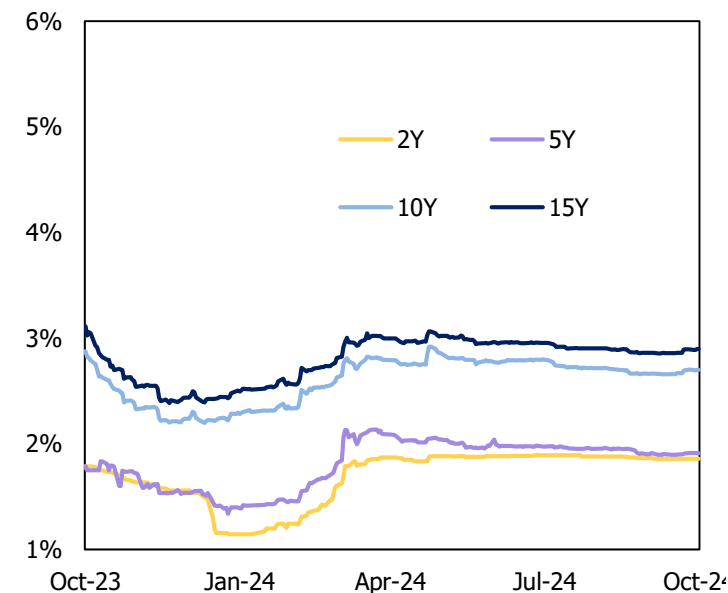
Nguồn: SBV, Bloomberg, MBS Research

Chỉ số Dolar index và lợi suất TPCP Mỹ 10N



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Lợi suất TPCP

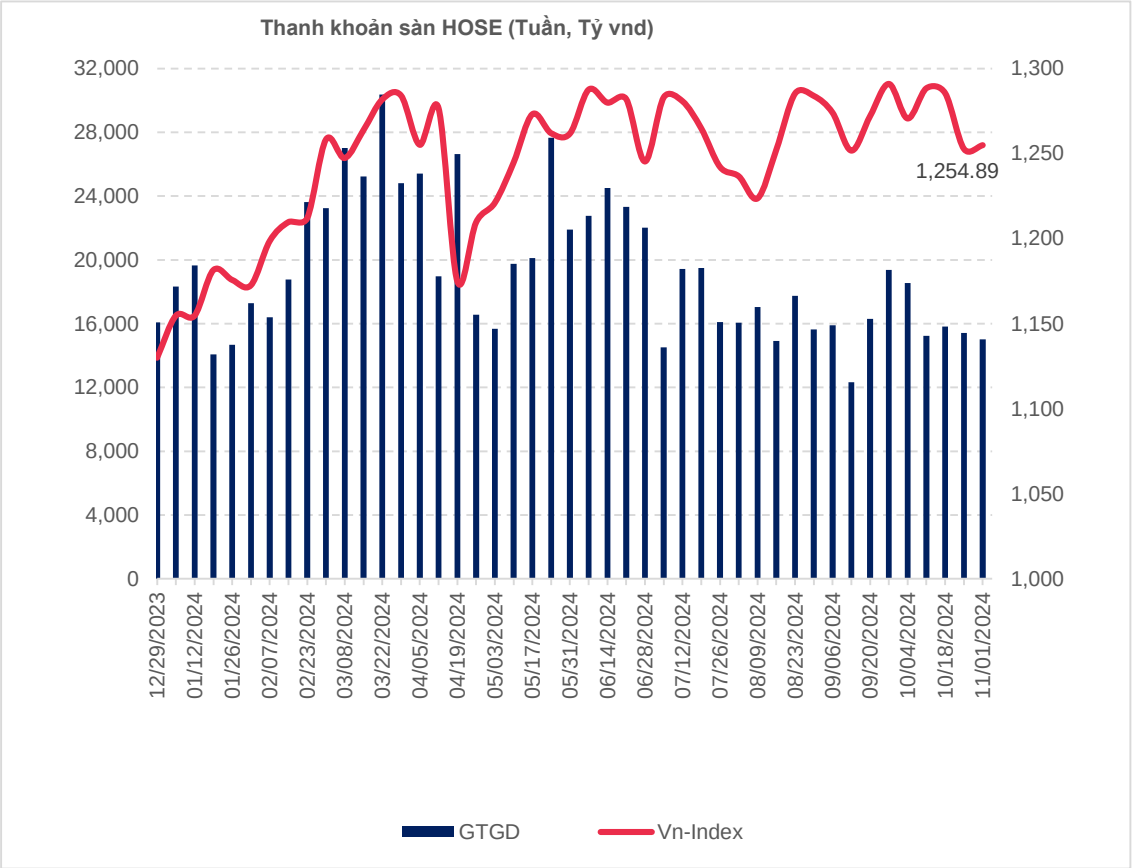
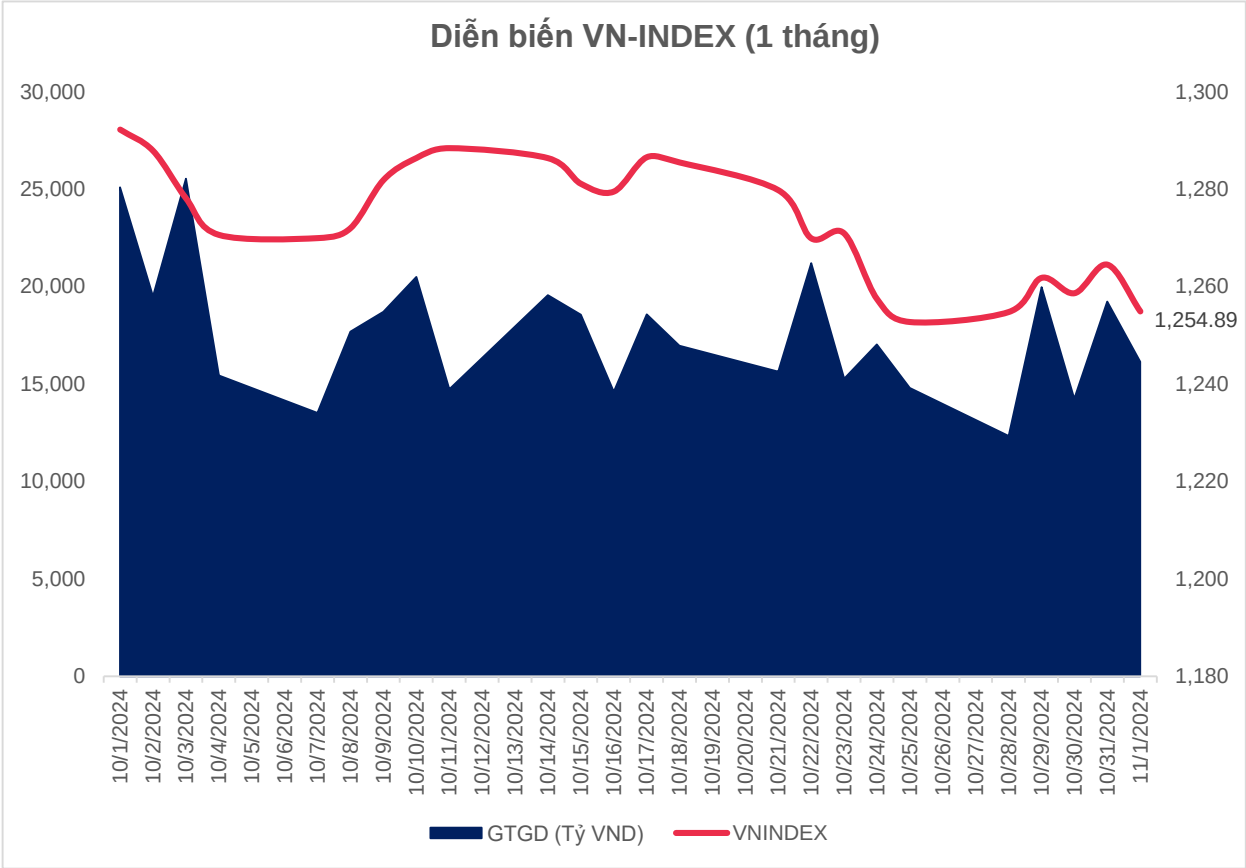


Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Vn-Index giảm -23,46 điểm trong tháng 10. Thanh khoản toàn thị trường tháng 10 cũng ở mức thấp nhất kể từ đầu năm

Chỉ số Vn-Index chốt tuần ở 1.254,89 điểm, tăng +2,17điểm, tương đương tăng +0,17% so với tuần trước nhưng vẫn khép lại tháng 10 với mức giảm -23,46 điểm (-1,82%), qua đó ngắt mạch 3 tháng tăng liên tiếp.

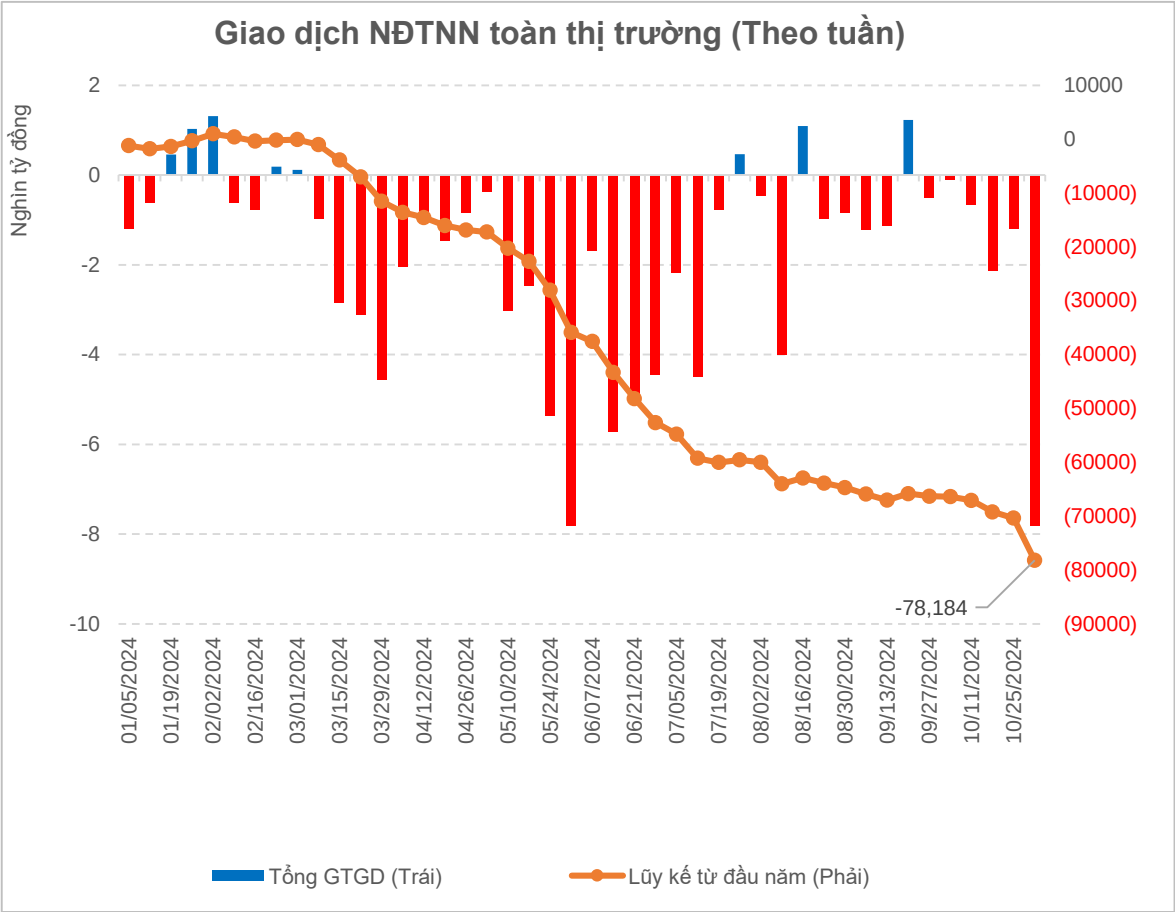
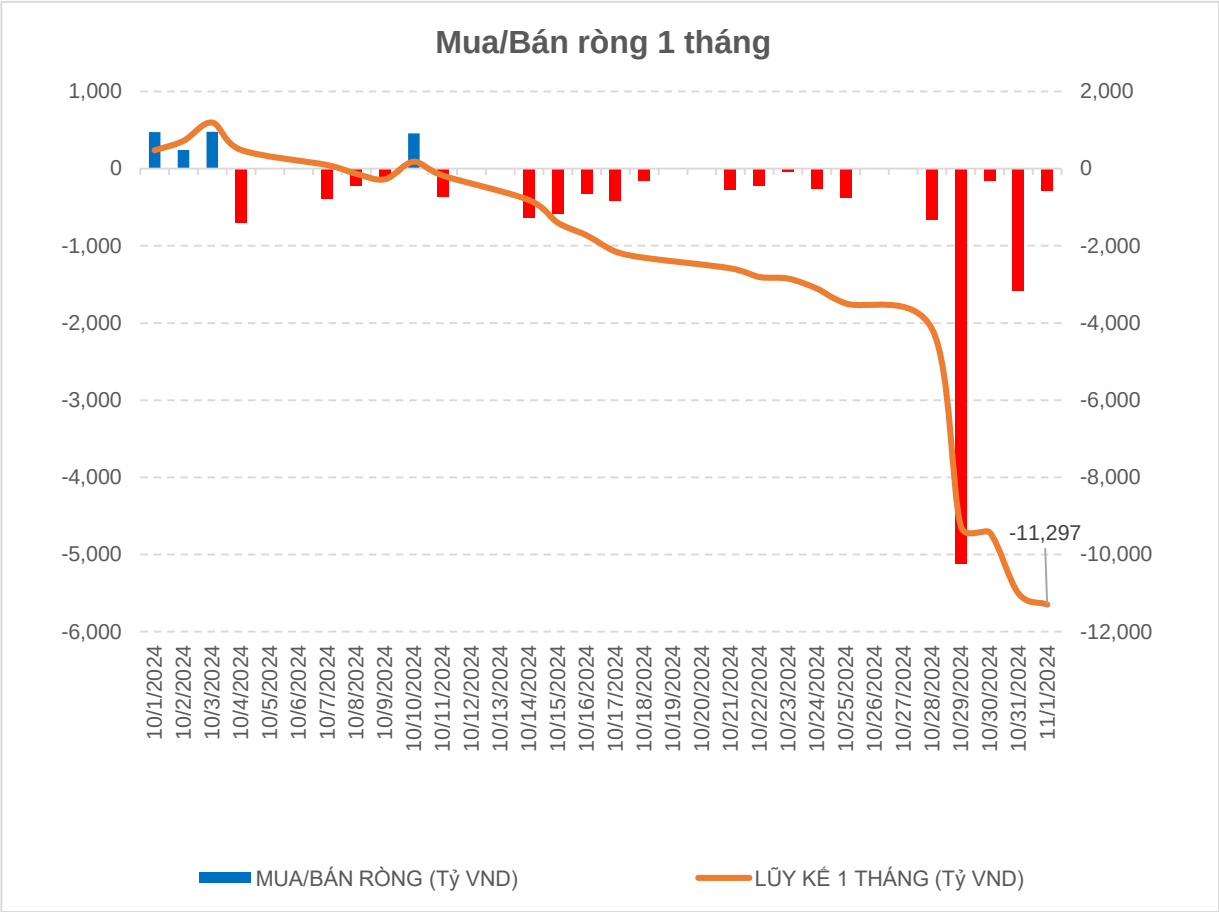
Thanh khoản toàn thị trường tuần vừa qua còn 16.380 tỷ đồng, giảm -2,4% so với tuần trước, trong đó thanh khoản khớp lệnh giảm -18,4%, còn 12.381 tỷ đồng. Thanh khoản tháng 10 đạt 17.764 tỷ đồng, tăng +5,1% svck, tuy nhiên vẫn chỉ tương đương mức thanh khoản tháng 9 và cũng là mức thấp nhất kể từ đầu năm.



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



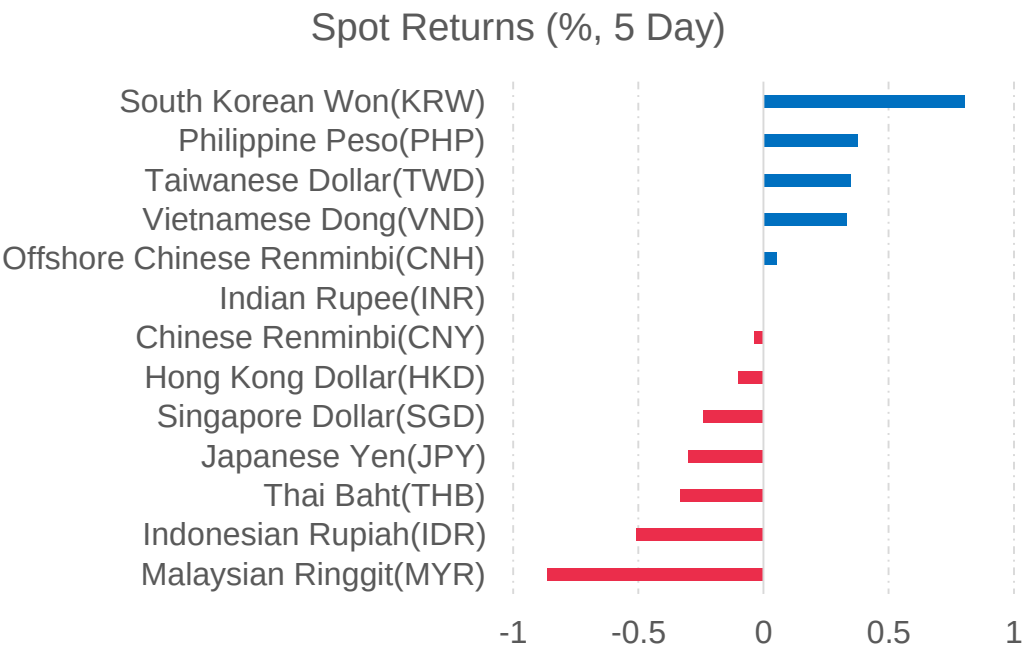
Khối ngoại bán ròng -7.804 tỷ đồng, lũy kế từ đầu năm khối ngoại bán ròng -78.184 tỷ đồng



Dòng vốn đầu tư quốc tế rút ròng ở hầu hết các thị trường Châu Á dù nhiều đồng tiền tăng giá so với USD

Một số đồng tiền đi lên so với USD như: Đồng Won (KRW) của Hàn Quốc, Đồng Peso(PHP) của Phillippines, Đô la Đài Loan (TWD) và tiền Đồng (VND) của Việt Nam. Tuần vừa qua, NHNN bơm ròng trở lại để hỗ trợ thanh khoản hệ thống trong bối cảnh cầu tín dụng tăng mạnh về cuối năm, lãi suất liên ngân hàng giảm, tỷ giá có dấu hiệu hạ nhiệt và tiền Đồng lên giá so với USD. Kể từ đầu tháng 10, dòng vốn quốc tế đổ vào thị trường Nhật Bản và Đài Loan, rút ròng ở các thị trường lớn như Hàn Quốc và Ấn Độ.

T Country	Date	Daily	WTD	MTD	QTD	YTD	12M
Equity							
Asia (11)							
China	30SEP2024			+96,396.3	+70,178.7	+52,199.6	+19,065.2
India	30OCT2024	-261.4	-618.4	-10,428.4	-10,428.4	+605.3	+10,144.9
Indonesia	31OCT2024	-21.7	-161.2	-718.8	-718.8	+2,530.4	+3,066.8
Japan	25OCT2024		+52.5	+16,609.9	+16,609.9	+10,608.9	+9,017.2
Malaysia	30OCT2024	-108.2	-214.4	-412.7	-412.7	+393.4	+804.2
Philippines	31OCT2024	-22.4	-49.5	+21.7	+21.7	+43.9	+80.5
S. Korea	01NOV2024	-110.1	-977.4	-110.1	-3,403.7	+7,048.3	+13,208.9
Sri Lanka	30OCT2024	-.4	-.4	-1.2	-1.2	-20.4	-19.7
Taiwan	30OCT2024	-106.1	-721.1	+1,130.4	+1,130.4	-12,210.5	+1,729.4
Thailand	31OCT2024	-12.9	-213.4	-845.2	-845.2	-3,425.9	-3,989.4
Vietnam	31OCT2024	-63.9	-289.2	-395.4	-395.4	-2,620.6	-3,087.1



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Tuần vừa qua, các quỹ ETF mô phỏng chỉ số VNDiamond hoàn tất cơ cấu danh mục cho kỳ quý IV/2024 với lượng bán nhiều hơn mua

Name	1D Flow (M USD)	1W Flow (M USD)	1M Flow (M USD)	3M Flow (M USD)	YTD Flow (M USD)
Average	+0.07	-0.58	-0.33	-4.00	-28.24
Median	.00	.00	.00	.00	-.61
1) DCVFMVN Diamond ETF	+0.92	-9.28	+15.06	+17.84	-338.87
2) VanEck Vietnam ETF	.00	-3.63	-3.63	-14.80	-20.61
3) Xtrackers FTSE Vietnam Swap UCITS ETF	.00	-2.82	-7.78	-6.80	-59.94
4) Fubon FTSE Vietnam ETF	.00	-2.57	-9.82	-74.81	-213.93
5) SSIAM VNFIN LEAD ETF	.00	-.17	-5.59	-8.97	-84.76
6) KIM INDEX Vietnam VN30 ETF Synth	.00	.00	.00	-15.64	-26.91
7) Premia Vietnam ETF	.00	.00	.00	.00	-4.75
8) CSOP FTSE Vietnam 30 ETF	.00	.00	.00	.00	.00
9) KIM INDEX Vietnam VN30 Futures Leverage ETF H	.00	.00	-2.70	-2.70	-2.70
10) Korea Investment & Securities KIS Vietnam VN30 Futur...	.00	.00	.00	.00	.00
11) Korea Investment & Securities KIS Inverse Vietnam VN...	.00	.00	.00	.00	.00
12) Korea Investment & Securities KIS Leverage Vietnam V...	.00	.00	.00	.00	.00
13) Korea Investment & Securities KIS Inverse 2X Vietnam...	.00	.00	.00	.00	.00
14) Premia Vietnam ETF	.00	.00	+1.10	-.79	-9.59
15) DCVFMVN Mid Cap ETF	.00	.00	.00	+1.97	-5.20
16) FPT CAPITAL VNXS0 ETF	.00	.00	.00	.00	.00
17) IPAAM VN100 ETF	.00	.00	.00	.00	.00
18) KIM Growth VN30 ETF	.00	.00	+3.29	+9.99	+39.51
19) KIM Growth VNFINSELECT ETF	.00	.00	.00	.00	-1.72
20) KIM GROWTH VN DIAMOND ETF	.00	.00	.00	+1.74	+1.74
21) MAFN VN30 ETF	.00	.00	.00	-.07	-1.23
22) SSIAM VN30 ETF	.00	.00	.00	+.66	+.08
23) SSIAM VNXS0 ETF	.00	.00	.00	.00	-2.31
24) VinaCapital VN100 ETF	.00	.00	.00	.00	.00
25) Global X MSCI Vietnam ETF	.00	.00	.00	.00	+1.93
26) CGS Fullgoal Vietnam 30 Sector Cap ETF	.00	.00	+.07	-.12	-2.19
27) MAFN VNDIAMOND ETF	.00	+.05	+.05	+.05	+1.99
28) DCVFMVN30 ETF Fund	+0.92	+2.11	+.67	-21.53	-71.51

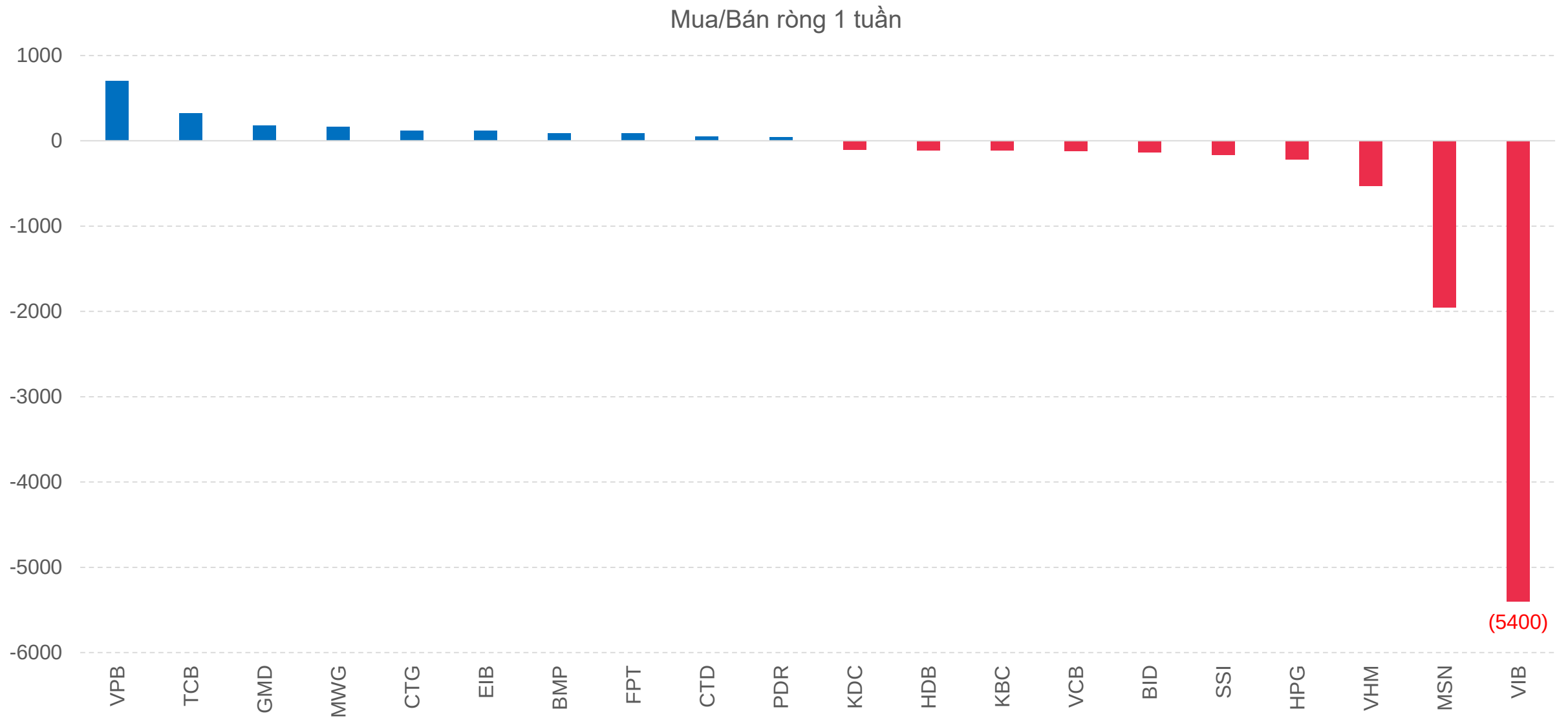
DCVFMVN Diamond ETF									
Type Fund: ETF Asset Class Equity Cash Pos 216.98 VND									
Historical View Periodicity Quarterly 2024 01 2024 Q4 Field Position									
Group By None Show Asset Type All Currency VND Total Curr Mkt Val 12.1T Num of Holdings 20									
Security	Ticker	Source	Position	Pos Chg	% Out	% Net	Curr MVI	Rpt MV	Filing Da...
1) FPT Corp	FPT VN	ETF	13,747,049	+225,300	.93	14.70	1.85TRI	1.85TRI	09/30/24
2) Phu Nuan Jewelry JSC	PNJ VN	ETF	16,828,204	-259,300	4.98	13.22	1.58TRI	1.66TRI	09/30/24
3) Vietnam Technological & Commercial Joint Stock Bank	TCB VN	ETF	47,404,500	+698,200	.67	9.12	1.14TRI	1.15TRI	09/30/24
4) Gemadept Corp	GMD VN	ETF	16,773,950	-302,900	4.05	10.41	1.09TRI	1.31TRI	09/30/24
5) Asia Commercial Bank JSC	ACB VN	ETF	41,629,658	+602,800	.93	8.53	1.05TRI	1.07TRI	09/30/24
6) Refrigeration Electrical Engineering Corp	REE VN	ETF	12,381,188	-589,400	2.63	6.56	784.97BLN	824.59BLN	09/30/24
7) Military Commercial Joint Stock Bank	MBB VN	ETF	30,101,183	+348,900	.57	6.15	752.53BLN	773.60BLN	09/30/24
8) Ho Chi Minh City Development Joint Stock Commercial Bank	HDB VN	ETF	22,492,800	+220,900	.77	5.04	602.81BLN	634.30BLN	09/30/24
9) Vietnam Prosperity JSC Bank	VPB VN	ETF	26,349,716	+1,760MLN	.33	4.21	534.90BLN	529.63BLN	09/30/24
10) Nam Long Investment Corp	NLG VN	ETF	9,658,588	+289,400	2.51	3.19	382.00BLN	401.31BLN	09/30/24
11) Khang Dien House Trading and Investment JSC	KDH VN	ETF	9,999,321	+669,570	.99	2.81	334.98BLN	353.61BLN	09/30/24
12) Vincorn Retail JSC	VRE VN	ETF	16,181,000	+117,600	.71	2.46	289.64BLN	309.06BLN	09/30/24
13) Vietnam Maritime Commercial JSB	MSB VN	ETF	23,469,133	+848,500	.90	2.44	288.67BLN	306.27BLN	09/30/24
14) Vietnam International Commercial JSB	VIB VN	ETF	13,799,683	+215,300	.46	2.12	260.81BLN	266.33BLN	09/30/24
15) Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade	CTG VN	ETF	6,715,536	-62,700	.13	1.97	239.07BLN	248.14BLN	09/30/24
16) Tien Phong Commercial Joint Stock Bank	TPB VN	ETF	13,439,148	+596,299	.51	1.84	231.83BLN	231.15BLN	09/30/24
17) Mobile World Investment Corp	MWG VN	ETF	3,399,600	0	.23	1.84	224.03BLN	231.51BLN	09/30/24
18) Vietnamese Dong Spot	VND Currency	ETF	216,904,396...	+133.89BLN	--	1.72	216.90BLN	0	09/30/24
19) Orient Commercial Joint Stock Bank	OCB VN	ETF	14,019,180	+139,200	.57	1.35	160.52BLN	169.63BLN	09/30/24
20) Binh Minh Plastics JSC	BMP VN	ETF	329,900	+36,900	.40	.31	44.40BLN	39.13BLN	09/30/24

Name	1D Return	MTD Return	YTD Return	1 Yr Return
Average	-0.27%	-2.73%	+8.19%	+16.38%
Median	-0.14%	-2.72%	+15.92%	+23.75%
1) Korea Investment & Securities KIS Leverage Vietnam V...	-0.52%	-3.64%	+32.66%	+50.27%
2) MAFN VNDIAMOND ETF	+1.60%	-1.34%	+28.00%	+40.04%
3) DCVFMVN Diamond ETF	+0.15%	-2.41%	+25.49%	+40.24%
4) KIM INDEX Vietnam VN30 Futures Leverage ETF H	+0.09%	-5.18%	+23.19%	+37.45%
5) KIM Growth VNFINSELECT ETF	+1.49%	-1.30%	+21.70%	+29.00%
6) SSIAM VNXS0 ETF	+1.50%	+0.50%	+21.56%	+27.67%
7) KIM INDEX Vietnam VN30 ETF Synth	-0.07%	+0.71%	+20.66%	+23.55%
8) DCVFMVN30 ETF Fund	+0.17%	-1.27%	+20.18%	+27.46%
9) KIM Growth VN30 ETF	-0.67%	-1.11%	+18.93%	+27.43%
10) MAFN VN30 ETF	-0.31%	-1.17%	+18.90%	+29.15%
11) SSIAM VN30 ETF	0%	-1.84%	+18.61%	+23.75%
12) Korea Investment & Securities KIS Vietnam VN30 Futur...	+1.16%	-1.56%	+18.48%	+26.76%
13) SSIAM VNFIN LEAD ETF	-0.14%	-1.36%	+17.72%	+24.90%
14) VinaCapital VN100 ETF	-0.06%	-1.82%	+15.92%	+26.93%
15) DCVFMVN Mid Cap ETF	-0.34%	-3.05%	+8.07%	+24.92%
16) IPAAM VN100 ETF	-5.45%	-6.90%	+0.95%	+10.39%
17) Fubon FTSE Vietnam ETF	-0.68%	-3.47%	-0.51%	+5.12%
18) CSOP FTSE Vietnam 30 ETF	-0.17%	-4.29%	-4.44%	+2.03%
19) Premia Vietnam ETF	-0.13%	-5.66%	-4.63%	+5.62%
20) Global X MSCI Vietnam ETF	-0.75%	-5.32%	-5.15%	+8.60%
21) Premia Vietnam ETF	-0.10%	-5.88%	-5.29%	+4.54%
22) CGS Fullgoal Vietnam 30 Sector Cap ETF	-0.66%	-5.97%	-5.37%	+11.00%
23) Xtrackers FTSE Vietnam Swap UCITS ETF	-1.49%	-3.03%	-6.15%	+1.98%
24) FPT CAPITAL VNXS0 ETF	-1.81%	-3.40%	-6.86%	-13.28%
25) VanEck Vietnam ETF	-0.67%	-6.89%	-7.89%	+6.11%
26) Korea Investment & Securities KIS Inverse Vietnam VN...	+0.59%	+1.30%	-14.16%	-19.99%
27) Korea Investment & Securities KIS Inverse 2X Vietnam...	+0.56%	+2.72%	-29.37%	-39.44%
28) KIM GROWTH VN DIAMOND ETF	-0.96%	-3.74%	--	--

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



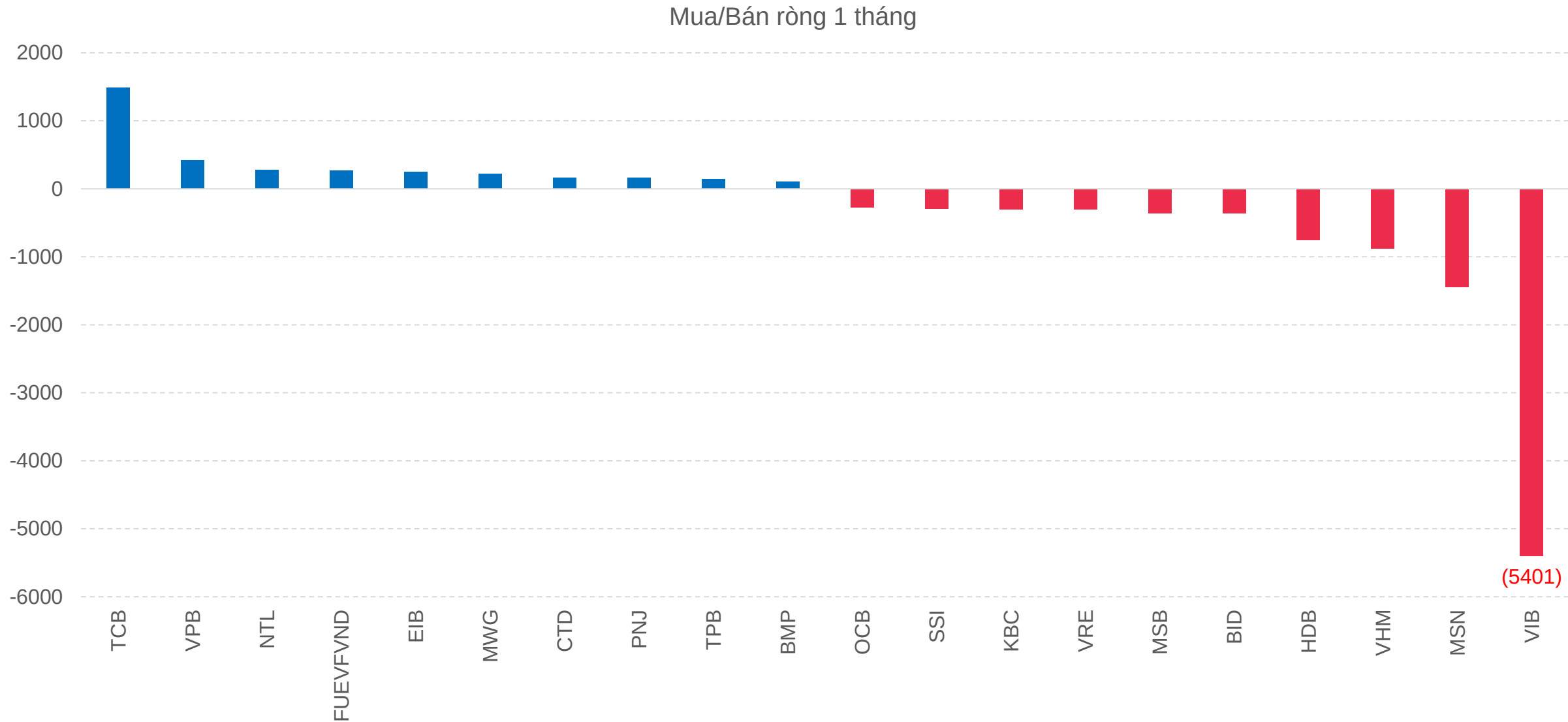
Top cổ phiếu được khối ngoại Mua/Bán ròng (Tỷ VND, HOSE)



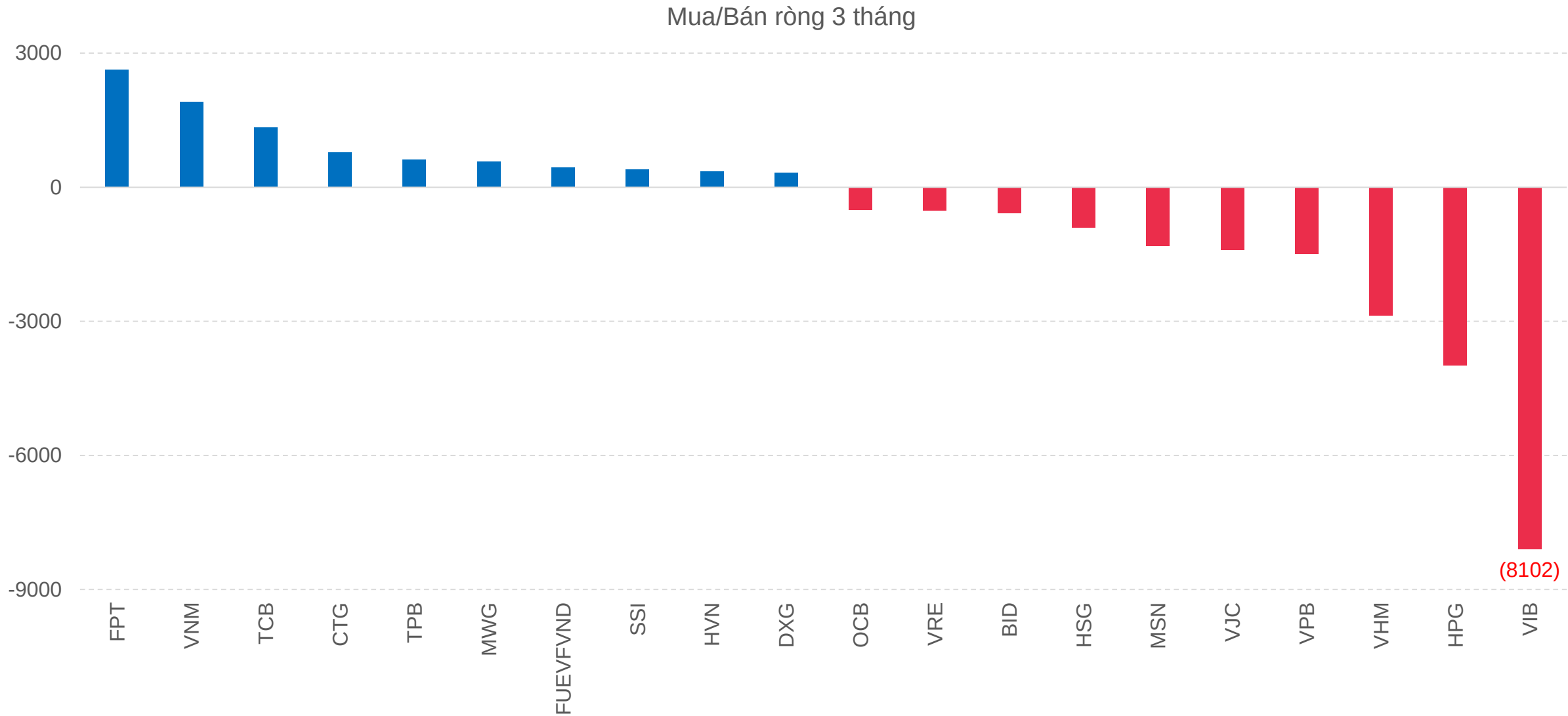
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Top cổ phiếu được khối ngoại Mua/Bán ròng (Tỷ VND, HOSE)



Top cổ phiếu được khối ngoại Mua/Bán ròng (Tỷ VND, HOSE)



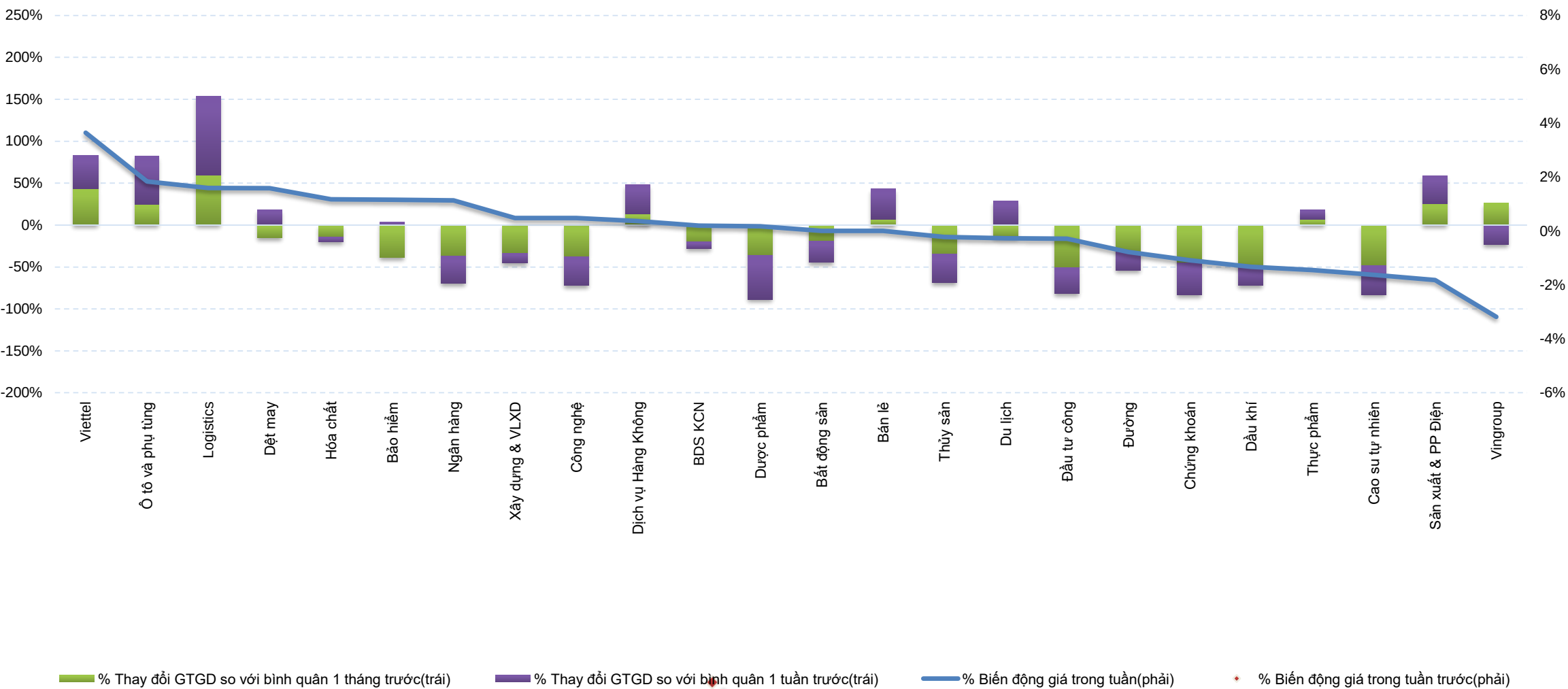
This treemap illustrates the market share distribution across various sectors in Vietnam for the year 2022. The data is categorized into 18 distinct sectors, with Banking being the dominant sector at 30.5%.

Sector	Market Share (%)
Ngân hàng	30.5%
Bất động sản	10.9%
Chứng khoán	10.4%
Vingroup	11.6%
Xây dựng & VLXD	6.1%
Thực phẩm	6.0%
Hóa chất	3.6%
Công nghệ	3.8%
Bán lẻ	5.2%
Dầu khí	2.4%
BDS KCN	1.5%
Viettel	1.5%
Logistics	1.2%
Đầu tư công	1.1%
Dệt may	0.8%
Sản xuất & PP Điện	0.8%
Dịch vụ	0.9%
Thủy sản	0.5%
Dược phẩm	0.5%
Đur...	0.3%
Ô tô và...	0.3%
Cao...	0.3%
B...	0.3%

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



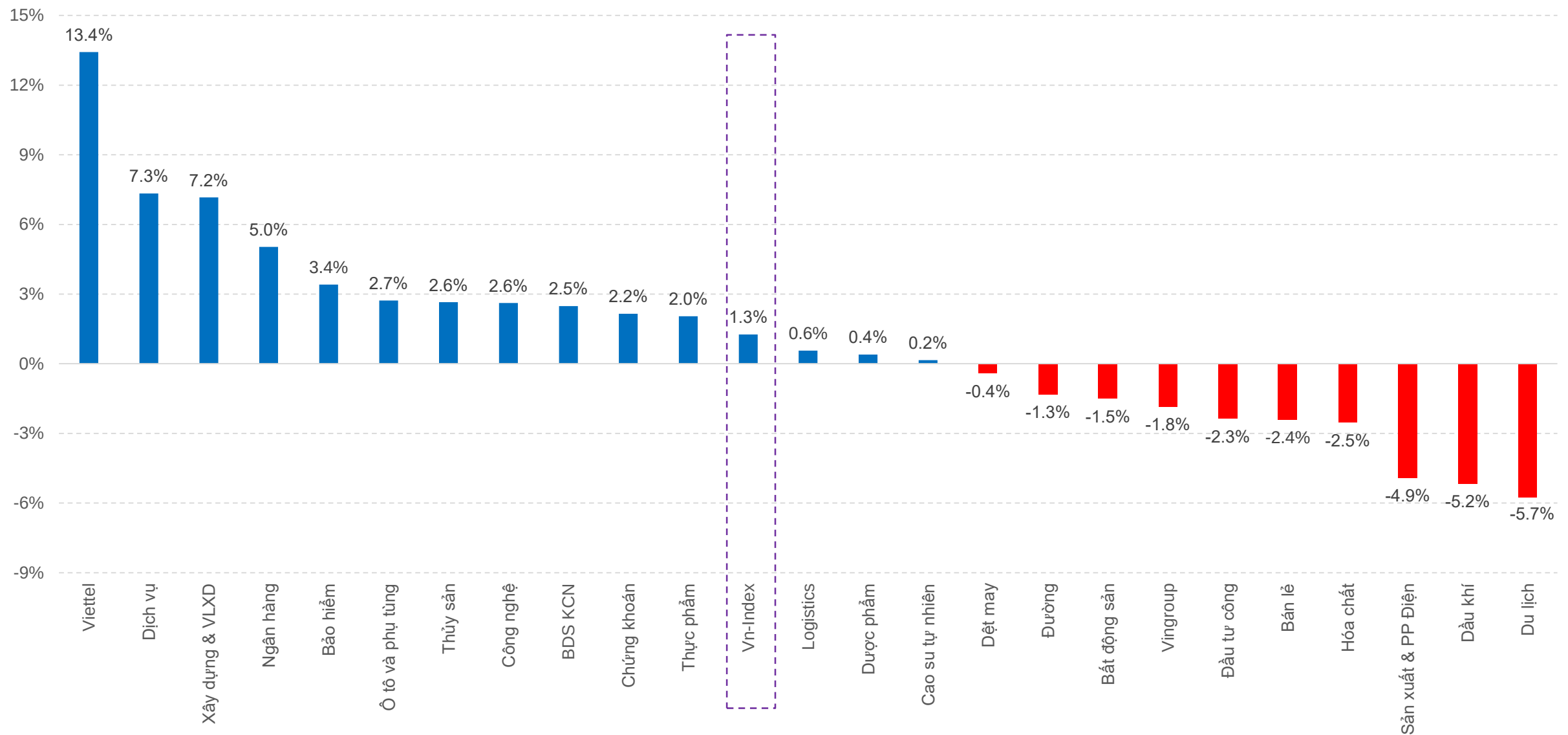
Biến động giá và dòng tiền theo nhóm ngành



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



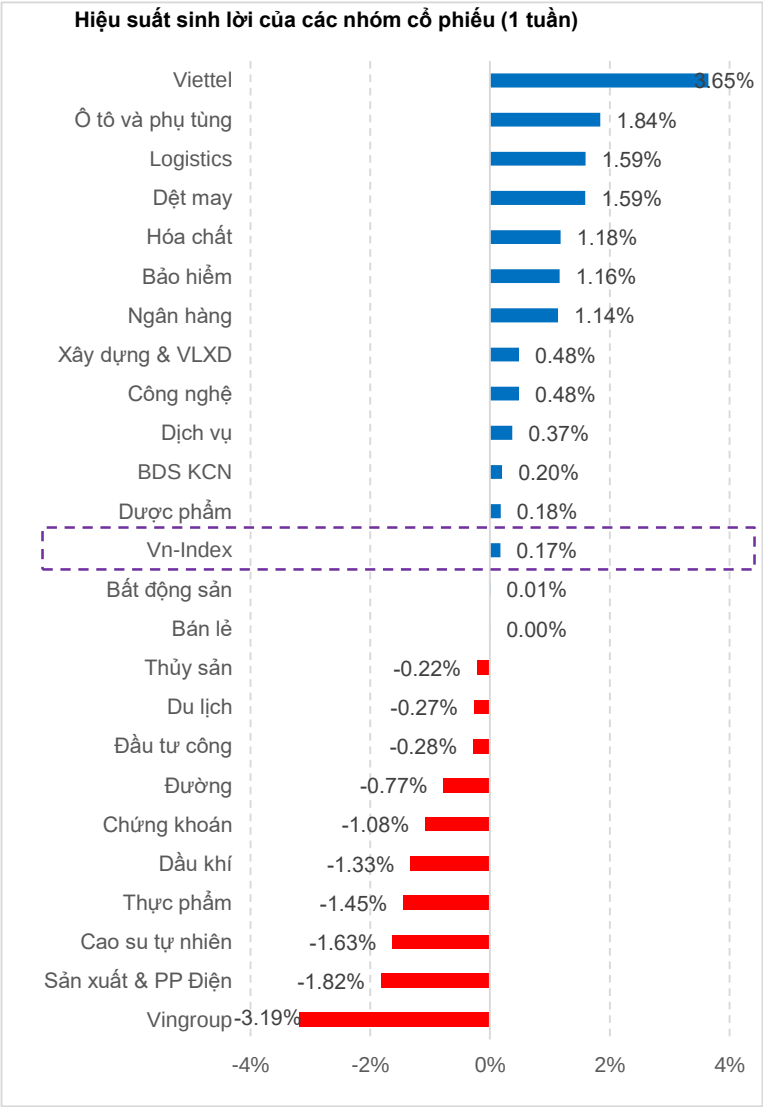
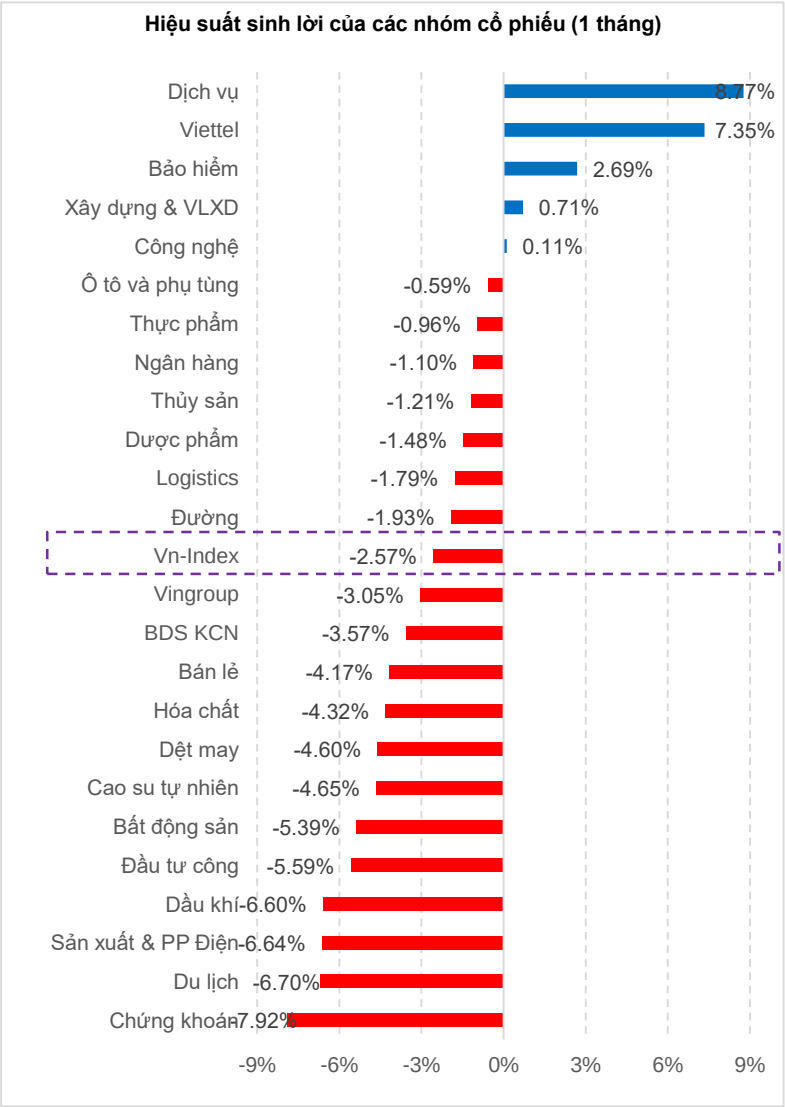
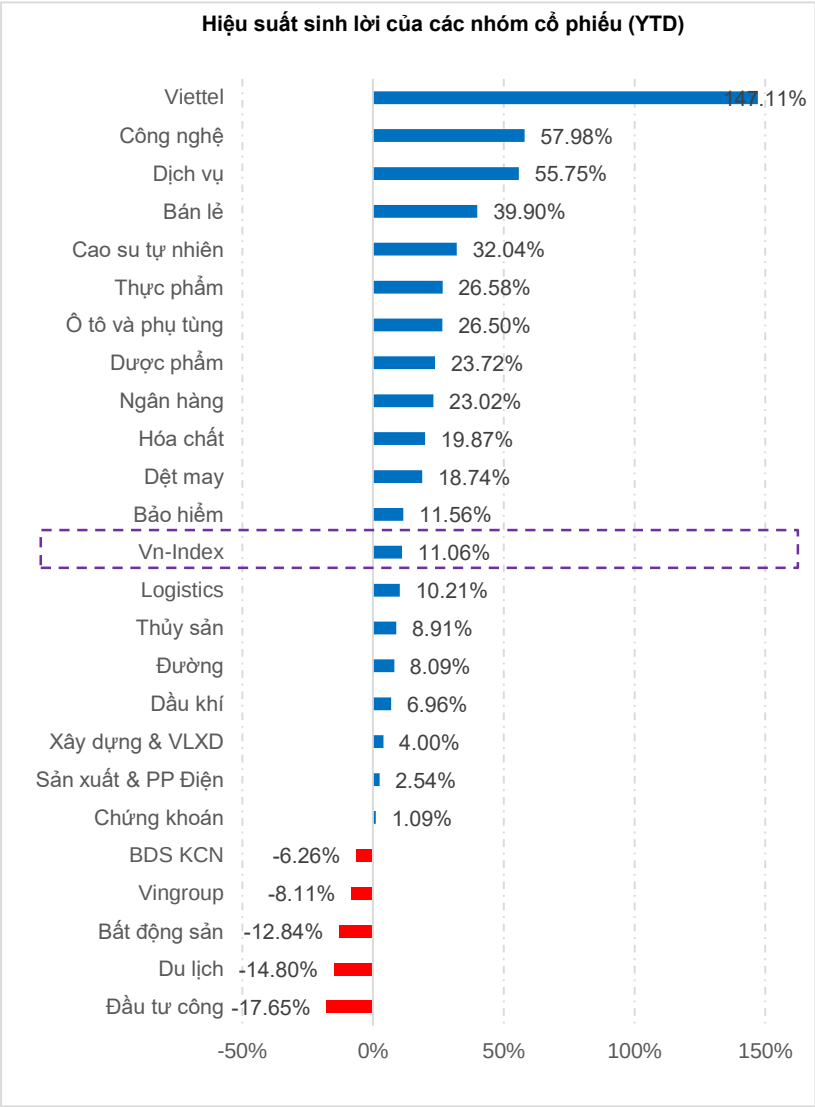
So với đáy tháng 9 (Vn-Index 1.239,3 điểm, theo giá đóng cửa)



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Hiệu suất các nhóm cổ phiếu (1 tuần, 1 tháng và từ đầu năm)



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Thị trường trong nước tăng trưởng khá tốt trong giai đoạn tháng 11 (Vn-Index)

	Jan	Feb	Mar	Apr	May	Jun	Jul	Aug	Sep	Oct	Nov	Dec
10 Yr Avg	3.20	1.75	-1.68	.53	1.17	1.07	1.55	2.21	-1.17	-.92	1.82	.69
2024	3.04	7.59	2.50	-5.81	4.32	-1.30	.50	2.59	.32	-1.82	-.76	
2023	10.34	-7.78	3.90	-1.46	2.48	4.19	9.17	.09	-5.71	-10.91	6.41	3.27
2022	-1.29	.76	.14	-8.40	-5.42	-7.36	.73	6.15	-11.59	-9.20	1.99	-3.94
2021	-4.28	10.59	1.97	4.02	7.15	6.06	-6.99	1.64	.80	7.62	2.37	1.34
2020	-2.54	-5.81	-24.90	16.09	12.40	-4.55	-3.24	10.43	2.67	2.24	8.39	10.05
2019	2.03	6.02	1.58	-.11	-2.02	-1.04	4.39	-.77	1.27	.23	-2.81	-1.01
2018	12.81	1.01	4.72	-10.58	-7.52	-1.08	-.46	3.47	2.79	-10.06	1.29	-3.67
2017	4.87	1.94	1.62	-.63	2.80	5.24	.91	-.10	2.77	4.08	13.45	3.61
2016	-5.83	2.59	.33	6.62	3.35	2.23	3.16	3.43	1.65	-1.45	-1.59	-.03
2015	5.58	2.86	-6.99	2.04	1.27	4.12	4.72	-9.07	-.37	7.95	-5.63	1.02
2014	10.28	5.38	.87	-2.29	-2.76	2.87	3.10	6.81	-5.95	.34	-5.70	-3.70

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Đối với thị trường chứng khoán Mỹ (S&P 500), tháng 11 cũng có xác suất tăng điểm cao nhất (tăng 9/10 năm qua)

	Jan	Feb	Mar	Apr	May	Jun	Jul	Aug	Sep	Oct	Nov	Dec
0 Yr Avg	.32	.06	.34	1.74	.68	.99	3.09	.25	-2.31	1.59	3.81	.09
2024	1.59	5.17	3.10	-4.16	4.80	3.47	1.13	2.28	2.02	-.99		
2023	6.18	-2.61	3.51	1.46	.25	6.47	3.11	-1.77	-4.87	-2.20	8.92	4.42
2022	-5.26	-3.14	3.58	-8.80	.01	-8.39	9.11	-4.24	-9.34	7.99	5.38	-5.90
2021	-1.11	2.61	4.24	5.24	.55	2.22	2.27	2.90	-4.76	6.91	-.83	4.36
2020	-.16	-8.41	-12.51	12.68	4.53	1.84	5.51	7.01	-3.92	-2.77	10.75	3.71
2019	7.87	2.97	1.79	3.93	-6.58	6.89	1.31	-1.81	1.72	2.04	3.40	2.86
2018	5.62	-3.89	-2.69	.27	2.16	.48	3.60	3.03	.43	-6.94	1.79	-9.18
2017	1.79	3.72	-.04	.91	1.16	.48	1.93	.05	1.93	2.22	2.81	.98
2016	-5.07	-.41	6.60	.27	1.53	.09	3.56	-.12	-.12	-1.94	3.42	1.82
2015	-3.10	5.49	-1.74	.85	1.05	-2.10	1.97	-6.26	-2.64	8.30	.05	-1.75
2014	-3.56	4.31	.69	.62	2.10	1.91	-1.51	3.77	-1.55	2.32	2.45	-.42

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Nhận định thị trường: Vn-Index có vùng hỗ trợ ở 1.238 – 1.240 điểm, nơi có mặt của đường MA200

Đồ thị kỹ thuật ngày của chỉ số Vn-Index: Chỉ số Vn-Index hồi phục khi về ngưỡng MA200 ở 2 lần trước

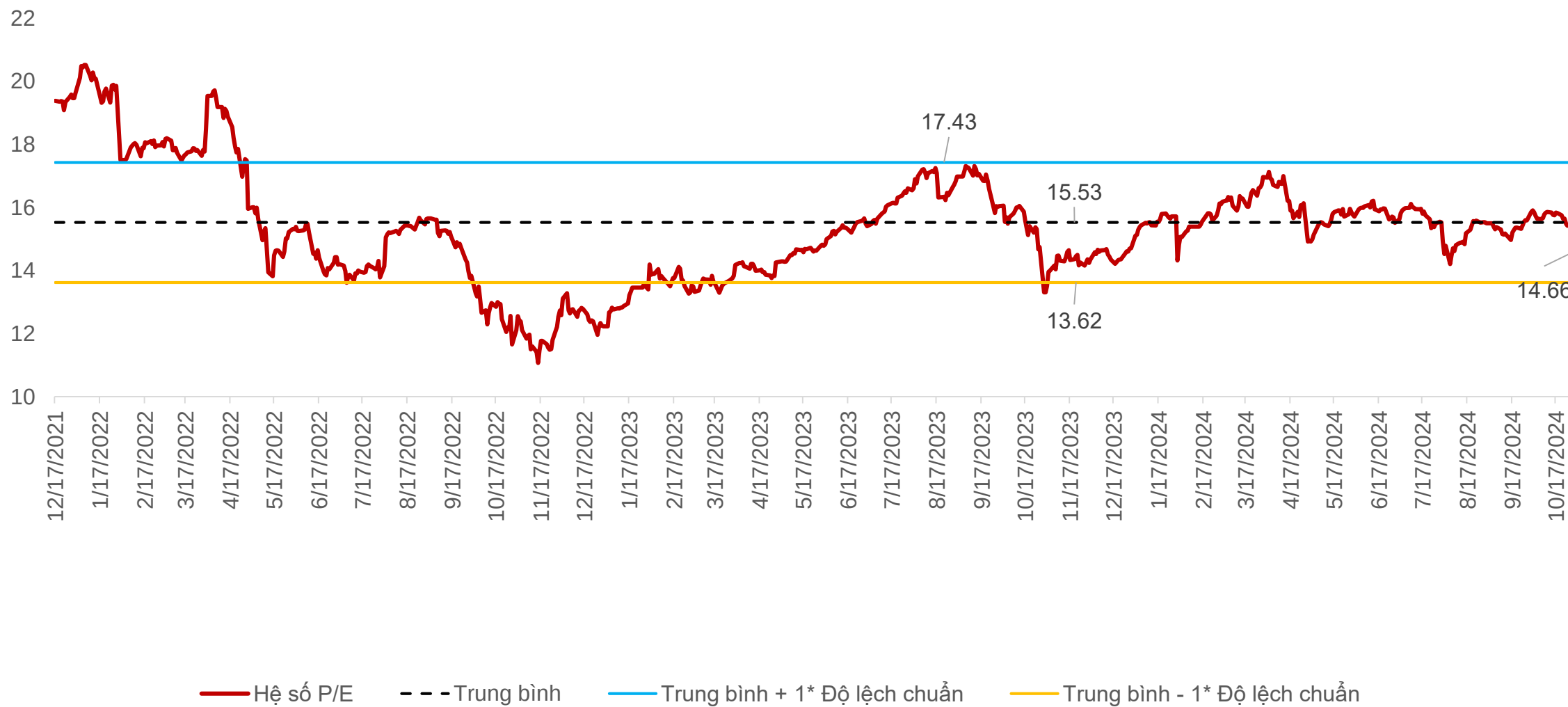


THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Định giá thị trường: Hệ số P/E trong vòng 3 năm qua (ttm, lần)

Hệ số P/E - Cập nhật 01/11/2024



Nhận định thị trường

- Tuần tới, mức độ biến động của thị trường tài chính Mỹ và thế giới có thể tăng lên do hai sự kiện lớn là cuộc bầu cử tổng thống vào ngày 5/11 và cuộc họp chính sách của Fed vào ngày 6-7/11.
- Đối với thị trường trong nước, dù chỉ số Dollar trên ngưỡng 104 điểm nhưng NHNN đã có động thái bơm ròng trở lại để hỗ trợ thanh khoản hệ thống trong bối cảnh cầu tín dụng tăng mạnh về cuối năm, lãi suất liên ngân hàng giảm, tỷ giá có dấu hiệu hạ nhiệt và tiền Đồng lên giá so với USD. Cùng với Thông tư 68/2024/TT-BTC chính thức được áp dụng từ ngày 2/11/2024, Thông tư mới có nội dung đáng chú ý liên quan đến việc nhà đầu tư tổ chức nước ngoài có thể giao dịch mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền và lộ trình công bố thông tin bằng tiếng Anh, v.v... sẽ hỗ trợ giao dịch của khối ngoại cũng như tác động tích cực đến thị trường trong quá trình nâng hạng.
- Thị trường chứng khoán trong nước thường có chu kỳ tăng trưởng khá tốt trong giai đoạn tháng 11 đến hết tháng 2 năm sau. Trong hai năm gần nhất là 2022 và 2023, chỉ số VN-Index đã tạo đáy trong tháng 11 và khởi đầu cho chuỗi phục hồi mạnh mẽ sau đó. Ngoài yếu tố mang tính chu kỳ/mùa vụ đang hỗ trợ thị trường phục hồi trở lại, thị trường có thể kỳ vọng vào các tin tức hỗ trợ như: 1) Khả năng Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed) hạ lãi suất 0,25% trong cuộc họp kết thúc vào ngày 8-11-2024, tức ba ngày sau khi diễn ra bầu cử tổng thống Mỹ. 2) Càng về giai đoạn cuối năm, tốc độ nói lỏng chính sách có thể nhanh hơn thông qua thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ hơn. Với mục tiêu tăng trưởng tín dụng trong năm nay là 15%, trong khi đến hết tháng 9 mới đạt hơn 9% so với đầu năm và tăng 16% so với cùng kỳ năm trước, dư địa cho vay còn lại của hệ thống các tổ chức tín dụng vẫn còn khá lớn trong quý 4 này.
- Chỉ số Vn-Index đánh mất xu hướng tăng kể từ đầu tháng 8 ở khu vực 1.280 điểm và thoái lui về ngưỡng Fibonacci 38,2% ở khu vực 1.257 điểm. Mặc dù để mất các ngưỡng MA50, MA100 nhưng thị trường cũng chứng tỏ khả năng phòng thủ ngay sát ngưỡng MA200. Với sự thận trọng của dòng tiền và biến động từ chứng khoán thế giới có thể gia tăng trong tuần tới, khả năng thị trường sẽ kiểm định lại vùng đáy tháng 9 cũng như ngưỡng hỗ trợ Fibonacci 50% ở khu vực 1.240 điểm, nhà đầu tư có thể giải ngân thăm dò ở khu vực này.
- Chúng tôi khuyến nghị cơ hội đầu tư đối với các cổ phiếu đang tạo nền tích lũy với thanh khoản thấp, hoặc nhóm cổ phiếu đã giảm qua ngưỡng 1.240 điểm như: Viettel, Thủy sản, Ngân hàng, Bất động sản, XD&VLXD, v.v...

 Ưu điểm vượt trội:

- (1) Tự động gợi ý các mã cổ phiếu chất lượng.
- (2) Tự động cập nhật điểm mua cổ phiếu theo thời gian thực (real-time) khi mã cổ phiếu biến động vào vùng giá khuyến nghị.
- (4) Hỗ trợ luồng đặt lệnh siêu tốc dành cho khách hàng.
- (5) Hoàn toàn miễn phí sử dụng.

 Luận điểm:

- (1) Cổ phiếu nổi bật có câu chuyện ảnh hưởng tích cực đến tình hình kinh doanh của ngành, có kết quả kinh doanh được dự báo tăng trưởng trong tương lai, và được Khối Nghiên cứu đánh giá lạc quan.
- (2) Danh sách các cổ phiếu khuyến nghị của khối nghiên cứu có Upside ≥ 1 .
- (3) Cổ phiếu thuộc 200 công ty có vốn hóa lớn nhất trên cả 3 sàn HOSE, HNX và UPCOM.
- (4) Khối lượng giao dịch Trung bình 30 phiên của cổ phiếu lớn hơn 500,000 cổ phiếu/ngày.

Thống kê hiệu quả Danh mục Alpha

Danh mục đầu tư hàng đầu từ chuyên gia Nghiên cứu MBS



1 tuần

DM Alpha 0,0%

Vnindex 0,2%

2 tuần

DM Alpha -0,85%

Vnindex -2,4%

1 tháng

DM Alpha -1,31%

Vnindex -2.89%

Từ ngày khởi tạo

DM Alpha 1,05%

Vnindex 3,85%

Danh mục nắm giữ

*Danh mục Alpha bắt đầu khởi tạo ngày 08/08/20249
Hiệu suất Vnindex tính từ 8/8/2924*

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Hiệu suất của Top 50 cổ phiếu theo vốn hóa

STT	MCK	Vốn hóa (Nghìn tỷ đồng)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
	VNINDEX		0.17	(2.57)	11.06
1	VCB	523.14	1.85	1.63	16.44
2	BID	272.20	0.53	(3.92)	10.02
3	ACV	256.88	(1.44)	11.75	75.76
4	VGI	217.63	4.37	7.78	168.60
5	FPT	199.92	0.45	0.07	62.21
6	CTG	191.71	2.89	(3.65)	31.37
7	VHM	180.71	(5.36)	(3.04)	(3.94)
8	HPG	172.06	0.38	0.76	4.51
9	TCB	168.38	0.85	(2.07)	53.70
10	GAS	165.16	(0.99)	(4.10)	2.14
11	VPB	162.25	0.25	0.25	10.53
12	VIC	158.87	(0.84)	(1.90)	(7.62)

STT	MCK	Vốn hóa (Nghìn tỷ đồng)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
13	MCH	151.96	1.19	6.53	169.96
14	VNM	138.15	(3.24)	(6.13)	1.95
15	MBB	132.92	(0.20)	(4.28)	34.81
16	GVR	131.60	0.16	(9.65)	52.36
17	ACB	113.45	0.00	(3.30)	24.01
18	MSN	110.18	(3.50)	(1.59)	11.19
19	MWG	97.22	0.76	(3.08)	55.43
20	LPB	84.27	2.18	2.66	108.25
21	HDB	78.35	(1.30)	(5.85)	36.17
22	SAB	70.80	(0.36)	(4.33)	(7.05)
23	BCM	69.45	1.68	(4.99)	6.04
24	STB	66.36	4.63	4.95	25.22
25	BSR	65.73	(2.34)	(10.72)	15.68

Hiệu suất của Top 50 cổ phiếu theo vốn hóa

STT	MCK	Vốn hóa (Nghìn tỷ đồng)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
	VNINDEX		0.17	(2.57)	11.06
26	VEA	60.19	2.05	0.00	30.23
27	VJC	56.87	0.48	(0.29)	(3.06)
28	VIB	56.45	3.29	(2.33)	19.19
29	PLX	52.22	(2.29)	(8.76)	22.28
30	SSI	52.19	(1.87)	(6.09)	2.24
31	HVN	51.48	10.84	6.89	83.67
32	SSB	46.92	1.80	(0.59)	(19.51)
33	TPB	45.71	0.00	(0.87)	20.71
34	FOX	44.52	(0.56)	0.91	75.86
35	DGC	42.65	2.11	(3.55)	18.01
36	VRE	40.56	(2.20)	(7.07)	(23.82)
37	MVN	39.86	(2.73)	(6.96)	73.51

STT	MCK	Vốn hóa (Nghìn tỷ đồng)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
38	SHB	38.82	1.44	(4.09)	1.99
39	EIB	37.16	(5.76)	4.52	16.51
40	VEF	35.60	0.24	(2.03)	94.42
41	KDH	33.87	0.00	(6.29)	16.10
42	MSB	32.11	(1.63)	(7.66)	20.74
43	PNJ	32.03	(2.87)	(6.15)	8.46
44	BVH	31.92	0.58	1.75	10.38
45	REE	30.19	(1.59)	(6.91)	27.55
46	OCB	28.23	(2.19)	(7.85)	0.67
47	POW	27.99	(2.52)	(11.45)	3.11
48	GMD	27.03	2.39	(3.32)	9.84
49	SSH	25.13	(0.74)	(1.19)	3.89
50	FRT	23.68	0.83	(4.55)	58.79

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Địa chỉ:

Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

KHỐI NGHIÊN CỨU CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB

Giám đốc Khối Nghiên cứu

Trần Thị Khánh Hiền

Trưởng phòng

Nguyễn Tiến Dũng

Vĩ mô & Chiến lược thị trường

Ngô Quốc Hưng

Nghiêm Phú Cường

Đinh Hà Anh

Võ Đức Anh

Ngân hàng – Dịch vụ Tài chính

Đinh Công Luyện

Nguyễn Đức Hảo

Bất động sản

Nguyễn Minh Đức

Lê Hải Thành

Nguyễn Minh Trí

Dịch vụ - Tiêu dùng

Nguyễn Quỳnh Ly

Công nghiệp – Năng Lượng

Phạm Thị Thanh Huyền

Nguyễn Hà Đức Tùng